PHẦN I. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

THÔNG TƯ
Số 30/2010/TT-BTTTT ngày 31/12/2010 ban hành định mức áp dụng tạm thời về hao phí lao động, hao phí thiết bị trong sản xuất các chương trình truyền hình

Phụ lục 1
ĐỊNH MỨC HAO PHÍ LAO ĐỘNG TRONG SẢN XUẤT CHƯƠNG TRÌNH TRUYỀN HÌNH

(Ban hành kèm theo Thông tư số 30/2010/TT-BTTTT ngày 31/12/2010 của Bộ Thông tin và Truyền thông)

(Tiếp theo Công báo số 75 + 76)

Mục	Tên thể loại sản phẩm	Thời lượng	Ngày công
VIII	**VĂN NGHỆ**		
164	**Videoclip loại 1 (5 - 10')**	**5' - 10'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		6,79
	Biên tập máy lẻ		2,5
	Đạo diễn chương trình		2,85
	Quay phim máy lẻ		2,5
	Tổ chức sản xuất		2,8
	Kỹ thuật		
	KT Đọc		0,5
	Kỹ thuật dựng phi tuyến		2
	KT dựng P tuyến ĐS		1
	KT hòa âm		0,29
	Kỹ thuật máy lưu động		2,5

Mục	Tên thể loại sản phẩm	Thời lượng	Ngày công
165	**Videoclip loại 2 (5 - 10')**	**5' - 10'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		3,82
	Biên tập máy lẻ		2
	Đạo diễn chương trình		2
	Quay phim máy lẻ		2
	Tổ chức sản xuất		2
	Trợ lý biên tập		1
	Trợ lý hiện trường		2
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật dựng phi tuyến		1,5
	Kỹ thuật máy lưu động		2
166	**Ca nhạc TQ loại 1 - 30'**	**30'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		6,5
	Chủ nhiệm		2
	Đạo diễn chương trình		2
	Đạo diễn hình		1,79
	Quay phim trường quay		4,79
	Tổ chức sản xuất		2,5
	Trợ lý biên tập		1,5
	Trợ lý đạo diễn		1,5
	Trợ lý trường quay		1,5
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		1
	Kỹ thuật trường S1		9
	Kỹ thuật trường S7		1,31
	Kỹ thuật thu thanh		9

Mục	Tên thể loại sản phẩm	Thời lượng	Ngày công
167	**Ca nhạc TQ loại 2 - 30'**	**30'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		5,5
	Chủ nhiệm		1,5
	Đạo diễn chương trình		2
	Đạo diễn hình		1,79
	Quay phim trường quay		4,79
	Tổ chức sản xuất		2
	Trợ lý biên tập		1,5
	Trợ lý đạo diễn		1,5
	Trợ lý trường quay		1,5
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		1
	Kỹ thuật trường S1		9
	Kỹ thuật trường S7		1,31
	Kỹ thuật thu thanh		7,5
168	**Ca nhạc máy lẻ loại 1 - 30'**	**30'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		8,5
	Biên tập máy lẻ		3,5
	Chủ nhiệm		3,5
	Đạo diễn chương trình		3,5
	Đạo diễn hình		0,29
	Quay phim máy lẻ		3,5
	Quay phim trường quay		0,29
	Tổ chức sản xuất		3
	Trợ lý trường quay		0,29
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật dựng phi tuyến tính		2,5

Mục	Tên thể loại sản phẩm	Thời lượng	Ngày công
	Kỹ thuật máy lưu động		7
	Kỹ thuật trường quay		1,31
	Kỹ thuật thu thanh		10,5
169	**Ca nhạc máy lẻ loại 2 - 30'**	**30'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		7,5
	Biên tập máy lẻ		3
	Chủ nhiệm		3
	Đạo diễn chương trình		2,6
	Đạo diễn hình		0,29
	Quay phim máy lẻ		3
	Quay phim trường quay		0,29
	Tổ chức sản xuất		3
	Trợ lý trường quay		0,29
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật dựng phi tuyến tính		2,5
	Kỹ thuật máy lưu động		6
	Kỹ thuật trường quay		1,31
	KT thu thanh		9
170	**Ca nhạc xe màu 30'**	**30'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		7,5
	Chủ nhiệm		1,4
	Đạo diễn chương trình		2
	Đạo diễn hình		2,29
	Quay phim trường quay		0,29
	Quay phim xe màu		6
	Tổ chức sản xuất		3
	Trợ lý biên tập		2

Mục	Tên thể loại sản phẩm	Thời lượng	Ngày công
	Trợ lý đạo diễn		2
	Trợ lý hiện trường		2
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật dựng phi tuyến		1
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		1
	Kỹ thuật ghi hình 3 - 4 cam		15
	Kỹ thuật trường quay		1,31
	Kỹ thuật thu thanh		10,5
171	**Ca nhạc thiếu nhi TQ 20'**	**20'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		5
	Chủ nhiệm		1
	Đạo diễn chương trình		1
	Đạo diễn hình		1
	Quay phim trường quay		3
	Tổ chức sản xuất		2
	Trợ lý đạo diễn		1
	Trợ lý trường quay		1
	Kỹ thuật		
	KT dựng tuyến tính		1
	KT Tquay		6
	KT thu thanh		4,5
172	**Ca nhạc thiếu nhi máy lẻ 20'**	**20'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		5,5
	Biên tập máy lẻ		2,5
	Chủ nhiệm		1
	Đạo diễn chương trình		2,25

Mục	Tên thể loại sản phẩm	Thời lượng	Ngày công
	Quay phim máy lẻ		2,5
	Tổ chức sản xuất		2
	Kỹ thuật		
	KT dựng phi tuyến		1
	KT dựng tuyến tính		1
	KT máy lưu động		2,5
	KT thu thanh		4,5
173	**Ca nhạc thiếu nhi xe màu 20'**	**20'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		5
	Chủ nhiệm		1
	Đạo diễn chương trình		1,2
	Đạo diễn hình		1,2
	Quay phim xe màu		3,6
	Tổ chức sản xuất		2,4
	Trợ lý đạo diễn		1,2
	Trợ lý trường quay		1,2
	Kỹ thuật		
	KT dựng tuyến tính		1
	KT ghi hình 3 - 4 cam		9
	KT máy lưu động		4,5
174	**Phim ca nhạc 45'**	**45'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		19,72
	Biên tập máy lẻ		9
	Chủ nhiệm		6
	Đạo diễn chương trình		9

Mục	Tên thể loại sản phẩm	Thời lượng	Ngày công
	Quay phim máy lẻ		9
	Tổ chức sản xuất		6
	Kỹ thuật		
	KT đọc		0,29
	KT dựng phi tuyến		5
	KT hòa âm		0,43
	KT máy lưu động VN		18
	KT thu thanh		15
175	**Sản xuất phim truyện KV 50'**	**50'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		17
	Biên tập máy lẻ		5,5
	Chủ nhiệm		5
	Đạo diễn chương trình		6
	Đạo diễn hình		6
	Quay phim máy lẻ		13,75
	Tổ chức sản xuất		7
	Trợ lý biên tập		5
	Trợ lý đạo diễn		5
	Trợ lý hiện trường		5
	Kỹ thuật		
	KT dựng phi tuyến		5
	KT dựng P tuyến ĐS		5
	KT hòa âm		4
	KT máy lưu động VN		11
176	**Sản xuất phim truyện KV 70'**	**70'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		24
	Biên tập máy lẻ		7

Mục	Tên thể loại sản phẩm	Thời lượng	Ngày công
	Chủ nhiệm		6
	Đạo diễn chương trình		7
	Đạo diễn hình		8
	Quay phim máy lẻ		17,5
	Tổ chức sản xuất		8,5
	Trợ lý biên tập		7
	Trợ lý đạo diễn		7
	Trợ lý hiện trường		7
	Kỹ thuật		
	KT dựng phi tuyến		7
	KT dựng Ptuyến ĐS		7
	KT hòa âm		.
	KT máy lưu động VN		16
177	**Nhà hát truyền hình 120'**	**120'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		21,22
	Biên tập máy lẻ		2
	Chủ nhiệm		9
	Đạo diễn chương trình		18
	Đạo diễn hình		5
	Quay phim máy lẻ		2
	Quay phim xe màu		12
	Tổ chức sản xuất		11
	Trợ lý đạo diễn		4
	Trợ lý đạo diễn		4
	Trợ lý hiện trường		6
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật đọc		0,3
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		1,5

Mục	Tên thể loại sản phẩm	Thời lượng	Ngày công
	Kỹ thuật máy lưu động		4
	Kỹ thuật trực tiếp 4 - 6 cam		38
178	**Kịch ghi sẵn 100'**	**100'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		8
	Chủ nhiệm		4
	Đạo diễn chương trình		4
	Đạo diễn hình		4
	Quay phim trường quay		12
	Tổ chức sản xuất		6
	Trợ lý biên tập		4
	Trợ lý đạo diễn		4
	Trợ lý trường quay		4
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		2
	KT Tquay		24
179	**Kịch tự dựng 100'**	**100'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		10
	Chủ nhiệm		6
	Đạo diễn chương trình		6
	Đạo diễn hình		6
	Quay phim trường quay		18
	Tổ chức sản xuất		10,92
	Trợ lý biên tập		6
	Trợ lý đạo diễn		6
	Trợ lý trường quay		9

Mục	Tên thể loại sản phẩm	Thời lượng	Ngày công
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật dựng phi tuyến		3
	KT Tquay		36
180	**Ca kịch ghi sẵn 100'**	**100'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		12
	Chủ nhiệm		4
	Đạo diễn chương trình		8
	Đạo diễn hình		4
	Quay phim trường quay		12
	Tổ chức sản xuất		5
	Trợ lý biên tập		4
	Trợ lý đạo diễn		4
	Trợ lý trường quay		4
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		4
	KT Tquay		24
181	**Ca kịch tự dựng 100'**	**100'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		11
	Chủ nhiệm		7
	Đạo diễn chương trình		9,25
	Đạo diễn hình		7
	Quay phim trường quay		21
	Tổ chức sản xuất		12
	Trợ lý biên tập		7
	Trợ lý đạo diễn		7
	Trợ lý trường quay		10,5

Mục	Tên thể loại sản phẩm	Thời lượng	Ngày công
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật dựng phi tuyến		4
	KT Tquay		31,5
182	**Sân khấu trực tiếp ngoại cảnh 120'**	**120'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		8,79
	Biên tập máy lẻ		2
	Chủ nhiệm		5
	Đạo diễn chương trình		10,5
	Đạo diễn hình		3
	Quay phim máy lẻ		2
	Quay phim xe màu		12
	Tổ chức sản xuất		7
	Trợ lý biên tập		2
	Trợ lý đạo diễn hình		2
	Trợ lý hiện trường		4
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật đọc		0,29
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		1,5
	KT Máy lưu động VN		4
	Kỹ thuật trực tiếp 6 cam		38
183	**Sân khấu thiếu nhi trường quay 20'**	**20'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		3,5
	Chủ nhiệm		1,35
	Đạo diễn chương trình		1
	Đạo diễn hình		1
	Quay phim trường quay		3
	Tổ chức sản xuất		2,08

Mục	Tên thể loại sản phẩm	Thời lượng	Ngày công
	Trợ lý biên tập		1
	Trợ lý đạo diễn		1
	Trợ lý trường quay		1
	Kỹ thuật		
	KT dựng tuyến tính		1
	KT trường quay		6
184	**Sân khấu thiếu nhi máy lẻ 20'**	**20'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		4
	Chủ nhiệm		1,35
	Đạo diễn chương trình		1,5
	Đạo diễn hình		1
	Quay phim máy lẻ		2,25
	Tổ chức sản xuất		2,5
	Trợ lý biên tập		1
	Trợ lý đạo diễn		1
	Trợ lý trường quay		1
	Kỹ thuật		
	KT dựng tuyến tính		1,5
	KT máy lưu động VN		2
185	**Sân khấu thiếu nhi xe màu 20'**	**20'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		3,5
	Chủ nhiệm		1,35
	Đạo diễn chương trình		1
	Đạo diễn hình		1
	Quay phim xe màu		4
	Tổ chức sản xuất		2,08

Mục	Tên thể loại sản phẩm	Thời lượng	Ngày công
	Trợ lý biên tập		1
	Trợ lý đạo diễn		1
	Trợ lý hiện trường		1,5
	Kỹ thuật		
	KT dựng tuyến tính		1
	KT ghi hình 3 - 4 cam		7,5
186	**Tiểu phẩm trường quay 30'**	**30'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		6,79
	Chủ nhiệm		2
	Đạo diễn chương trình		3
	Đạo diễn hình		1,2
	Quay phim trường quay		3,6
	Tổ chức sản xuất		3
	Trợ lý biên tập		1,2
	Trợ lý đạo diễn		1,2
	Trợ lý trường quay		1,2
	Kỹ thuật		
	KT đọc		0,29
	KT dựng phi tuyến		1
	KT dựng tuyến tính		1
	KT trường quay		7,2
187	**Tiểu phẩm ngoại cảnh 30'**	**30'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		7,11
	Biên tập máy lẻ		3,5
	Chủ nhiệm		3,5
	Đạo diễn chương trình		4

Mục	Tên thể loại sản phẩm	Thời lượng	Ngày công
	Quay phim máy lẻ		3,5
	Tổ chức sản xuất		3
	Kỹ thuật		
	KT đọc		0,29
	KT dựng phi tuyến		1
	KT hòa âm		0,29
	KT máy lưu động		3,5
188	**Trích đoạn sân khấu ghi sẵn**	**30'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		2,91
	Đạo diễn chương trình		1
	Đạo diễn hình		1
	Quay phim trường quay		3
	Tổ chức sản xuất		1,5
	Trợ lý đạo diễn		1
	Trợ lý trường quay		1
	Kỹ thuật		
	KT dựng tuyến tính		1
	KT trường quay		6
IX	**HÌNH HIỆU**		
189	**Hình hiệu chính loại 1**	**1'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		6
	Đạo diễn chương trình		1,24
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật 3D Modelling		6
	Kỹ thuật Animation		6
	Kỹ thuật Composition		4

Mục	Tên thể loại sản phẩm	Thời lượng	Ngày công
	Kỹ thuật đọc		1
	Special Effects		5
	Kỹ thuật tin học		1,5
	Kỹ thuật thiết kế đồ họa		7
190	**Hình hiệu chính loại 2**	**1'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		5,5
	Đạo diễn chương trình		1,02
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật 2D Modelling		5
	Kỹ thuật Animation		5
	Kỹ thuật Composition		3
	Kỹ thuật đọc		1
	Special Effects		3
	Kỹ thuật tin học		1,5
	Kỹ thuật thiết kế đồ họa		5
191	**Hình hiệu tiểu mục**	**1'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		1
	Đạo diễn chương trình		1
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật 3D Modelling		3
	Kỹ thuật Animation		1
	Kỹ thuật Composition		1
	Kỹ thuật đọc		1
	Special Effects		1
	Kỹ thuật tin học		1
	Kỹ thuật thiết kế đồ họa		3

Mục	Tên thể loại sản phẩm	Thời lượng	Ngày công
192	**Đồ họa cho TV Games, Show loại 1**	**1'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		3
	Đạo diễn chương trình		1
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật Composition		3
	Kỹ thuật đọc		1
	Kỹ thuật tin học		1
	Thiết kế chương trình		14
	Kỹ thuật thiết kế đồ họa		7
193	**Đồ họa cho TV Games, Show loại 2**	**1'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		3
	Đạo diễn chương trình		1
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật Composition		2
	Kỹ thuật đọc		1
	Kỹ thuật tin học		1
	Thiết kế chương trình		10
	Kỹ thuật thiết kế đồ họa		5
194	**Hình hiệu quảng cáo SP TH**	**1'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		5,43
	Đạo diễn chương trình		1,09
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật 3D Modelling		3
	Kỹ thuật Composition		2
	Kỹ thuật đọc		1

Mục	Tên thể loại sản phẩm	Thời lượng	Ngày công
	Kỹ thuật tin học		1
	Kỹ thuật thiết kế đồ họa		5
195	**Gạt tin, phông, nền**	**1'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		1
	Đạo diễn chương trình		1
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật 3D Modelling		1,5
	Kỹ thuật Animation		0,5
	Kỹ thuật Composition		0,5
	Kỹ thuật đọc		0,5
	Special Effects		0,5
	Kỹ thuật tin học		0,5
	Kỹ thuật thiết kế đồ họa		1
196	**Đồ họa trường quay ảo**	**1'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		3
	Đạo diễn chương trình		1
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật 3D Modelling		12
	Kỹ thuật Animation		9
	Kỹ thuật Composition		6
	Kỹ thuật đọc		1
	Specicial Effect		9
	Kỹ thuật tin học		2
	Kỹ thuật thiết kế đồ họa		12
X	**KHAI THÁC**		
197	**Khai thác tạp kỹ KV 15'**	**15'**	
	Nội dung		

Mục	Tên thể loại sản phẩm	Thời lượng	Ngày công
	Biên tập chương trình		0,58
	Kỹ thuật		
	KT Đọc		0,07
	KT dựng phi tuyến		0,2
198	**Khai thác phim hoạt hình 20'**	**20'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		1,01
	Biên dịch		1
	Tổ chức sản xuất		0,15
	Kỹ thuật		
	KT Đọc		0,14
	KT dựng tuyến tính		0,21
199	**Lồng tiếng phim hoạt hình 30'**	**30'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		
	Biên dịch		
	Chủ nhiệm		
	Đạo diễn chương trình		
	Tổ chức sản xuất		
	Kỹ thuật		
	KT Đọc		0,5
	KT dựng tuyến tính		0,5
	KT hòa âm		0,5
200	**Hoạt hình nước ngoài lồng tiếng + Tp - 30'**	**30'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		
	Biên dịch		
	Chủ nhiệm		
	Đạo diễn chương trình		

Mục	Tên thể loại sản phẩm	Thời lượng	Ngày công
	Đạo diễn hình		
	Quay phim xe màu		
	Tổ chức sản xuất		
	Trợ lý biên tập		
	Trợ lý đạo diễn		
	Trợ lý trường quay		
	Kỹ thuật		
	KT Đọc		0,5
	KT dựng tuyến tính		1
	KT ghi hình 3 - 4 cam		3,75
	KT hòa âm		0,29
201	**Khai thác phim khoa học 30**	**30'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		1,27
	Biên dịch		1,5
	Thuyết minh		0,5
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật đọc		0,3
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		0,3
202	**Khai thác phim khoa học có bình dẫn 30**	**30'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		
	Biên dịch		
	Đạo diễn hình		
	Quay phim trường quay		
	Tổ chức sản xuất		
	Trợ lý trường quay		
	Kỹ thuật		
	KT Đọc		0,29

Mục	Tên thể loại sản phẩm	Thời lượng	Ngày công
	KT dựng tuyến tính		0,4
	KT Tquay S7		1,31
203	**Bình dẫn phim TLNN - 30'**	**30'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		1,9
	Biên dịch		2,26
	Đạo diễn hình		0,5
	Quay phim trường quay		1
	Tổ chức sản xuất		0,92
	Trợ lý biên tập		1,2
	Trợ lý trường quay		0,5
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật đọc		0,28
	Kỹ thuật trường quay		3
	Kỹ thuật dựng phi tuyến tính		0,42
204	**Khai thác ca nhạc Quốc tế có dẫn 30'**	**30'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		0,99
	Biên dịch		0,3
	Trợ lý trường quay		0,29
	Đạo diễn hình		0,4
	Quay phim trường quay		0,29
	Tổ chức sản xuất		0,29
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật trường quay		1,31
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		0,5
205	**Dựng lại ca nhạc có dẫn - 30'**	**30'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		0,8

Mục	Tên thể loại sản phẩm	Thời lượng	Ngày công
	Đạo diễn chương trình		0,29
	Trợ lý trường quay		0,29
	Tổ chức sản xuất		0,2
	Thể hiện		
	Đạo diễn hình		0,29
	Quay phim trường quay		0,29
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật trường quay		1,31
	Kỹ thuật dựng phi tuyến tính		0,5
206	**Clip ca nhạc khai thác tổng hợp**	**10'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		2,23
	Đạo diễn chương trình		1
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật dựng phi tuyến		1
207	**Dựng lại ca nhạc tổng hợp 15'**	**15'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		0,39
	Đạo diễn chương trình		0,14
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		0,3
208	**Tổng hợp thể thao**	**30'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		1,49
	Biên dịch		1
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật đọc		0,14
	Kỹ thuật dựng phi tuyến		0,5

Mục	Tên thể loại sản phẩm	Thời lượng	Ngày công
209	**Khai thác phim bản quyền PSKV - 50'**	**50'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		0,26
	Tổ chức sản xuất		0,1
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		0,1
210	**Kh. thác phim truyện bản quyền (50')**	**50'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		1,98
	Tổ chức sản xuất nội dung		0,25
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật đọc		0,21
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		0,28
	KT hòa âm		0,21
211	**Khai thác phim vệ tinh (50P)**	**50'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		1,98
	Tổ chức sản xuất		0,3
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật đọc		0,29
	Tổ chức sản xuất Kỹ thuật		0,29
212	**Việt hóa Phim NN - vệ tinh 50'**	**50'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		1,4
	Tổ chức sản xuất		0,51
213	**Việt hóa Phim NN - HBO 120'**	**120'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		3,22
	Đạo diễn chương trình		1,5

Mục	Tên thể loại sản phẩm	Thời lượng	Ngày công
	Tổ chức sản xuất		1
	Trợ lý biên tập		0,5
	Kỹ thuật		
	KT dựng tuyến tính		0,29
214	**Phụ đề tiếng nước ngoài 20'**	**20'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		0,94
	Tổ chức sản xuất		0,1
	Kỹ thuật		
	KT dựng tuyến tính		0,51
215	**Phụ đề tiếng việt 30'**	**30'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		0,85
	Tổ chức sản xuất		0,5
	Trợ lý biên tập		0,2
	Kỹ thuật		
	KT dựng tuyến tính		0,57
216	**Tổng hợp tạp chí khai thác**	**30'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		2,64
	Đạo diễn hình		0,14
	Quay phim trường quay		0,14
	Tổ chức sản xuất		0,5
	Trợ lý trường quay		0,14
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật đọc		0,14
	Kỹ thuật trường quay		0,77
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		2

Mục	Tên thể loại sản phẩm	Thời lượng	Ngày công
217	**Dựng lại chương trình trực tiếp 60'**	**60'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		1,15
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		1,15
218	**Khai thác CTPS Khu vực**	**30'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		0,2
	Kỹ thuật		
	KT dựng tuyến tính		0,09
219	**Khai thác CTĐP lần đầu PSTW**	**30'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		0,78
	Kỹ thuật		
	KT dựng tuyến tính		0,14
220	**Khai thác CTKV lần đầu PSTW**	**30'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		0,5
	Kỹ thuật		
	KT dựng tuyến tính		0,14
221	**Khai thác phim truyện VN lần đầu 90'**	**90'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		0,87
	Tổ chức sản xuất		0,2
	Kỹ thuật		
	KT dựng tuyến tính		0,29
XI	**KHOÁN SD KỸ THUẬT**		
222	**KT phục vụ CT Chuyên ĐT15'**	**30'**	

Mục	Tên thể loại sản phẩm	Thời lượng	Ngày công
	Kỹ thuật		
	KT dựng tuyến tính		1,5
223	**KT phục vụ CT Chuyên ĐT30'**	**30'**	
	Kỹ thuật		
	KT dựng tuyến tính		1,5
224	**KT phục vụ CT QC tại TQ ảo**	**5'**	
	Kỹ thuật		
	KT trường quay ảo S2 T.tiếp		3,25
225	**KT phục vụ CT giao lưu 40 - 60' tại TQ lớn**	**40'**	
	Kỹ thuật		
	KT trường quay S9		12
226	**KT phục vụ CT giao lưu 40 - 60' bằng xe màu**	**40'**	
	Kỹ thuật		
	KT trường quay S9		7,5
XII	**KỸ THUẬT TRUYỀN DẪN**		
227	**Trực truyền dẫn phát sóng 1 ca**	**360'**	
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật sửa chữa		0,61
	Trực ĐHKS		0,55
	Trực điện lạnh		0,55
	Trực kỹ thuật		1,1
	Trực máy phát		1,1
	Trực tín hiệu		2,2
228	**Trực truyền dẫn phát sóng vệ tinh 1 ca**	**360'**	
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật sửa chữa		0,66
	Trực ĐHKS		0,55
	Trực điện lạnh		0,55
	Trực kỹ thuật		1,1

Mục	Tên thể loại sản phẩm	Thời lượng	Ngày công
	Trực máy phát		1,1
	Trực tín hiệu		2,2
	Trực vi ba		0,55
229	**S chữa bảo dưỡng máy phát khu vực (tuần)**	**Ca**	
	Kỹ thuật		
	Kỹ sư		1,3
230	**S chữa bảo dưỡng máy phát khu vực (quý)**	**Ca**	
	Kỹ thuật		
	Kỹ sư		1,3
231	**S chữa bảo dưỡng máy phát khu vực (năm)**	**Ca**	
	Kỹ thuật		
	Kỹ sư		9,7
	Kỹ thuật viên		8,7
232	**Bảo dưỡng máy phát (tuần)**	**Ca**	
	Kỹ thuật		
	Kỹ sư		5,7
	Kỹ thuật viên		2,7
233	**Bảo dưỡng máy phát (quý)**	**Ca**	
	Kỹ thuật		
	Kỹ sư		12,8
	Kỹ thuật viên		7,2
234	**Bảo dưỡng máy phát (năm)**	**Ca**	
	Kỹ thuật		
	Kỹ sư		12,8
	Kỹ thuật viên		7,2
235	**Bảo dưỡng ăngten**	**Ca**	
	Kỹ thuật		
	Kỹ sư		20
	Kỹ thuật viên		13

Mục	Tên thể loại sản phẩm	Thời lượng	Ngày công
236	**Bảo dưỡng tuần > 20KW**	**Ca**	
	Kỹ thuật		
	Kỹ sư		5,7
	Kỹ thuật viên		11,8
237	**Sửa chữa lớn**	**Ca**	
	Kỹ thuật		
	Kỹ sư		28,7
238	**Sửa chữa đột xuất máy PS**	**Ca**	
	Kỹ thuật		
	Kỹ sư		19
239	**Đo kiểm tra cường độ trường**	**Ca**	
	Kỹ thuật		
	Kỹ sư		16
	Kỹ thuật viên		13
240	**Quản lý máy phát lại Đ.phương**	**Ca**	
	Kỹ thuật		
	Kỹ sư		19
241	**Tường thuật trực tiếp bằng xe ku**	**Ca**	
	Kỹ thuật		
	Kỹ sư		19
	Kỹ thuật viên		
	Phụ trách xe Ku		

Phụ lục 1 (tiếp theo)

ĐỊNH MỨC HAO PHÍ LAO ĐỘNG MỸ THUẬT TRONG SẢN XUẤT CHƯƠNG TRÌNH TRUYỀN HÌNH

(Ban hành kèm theo Thông tư số 30/2010/TT-BTTTT ngày 31/12/2010 của Bộ Thông tin và Truyền thông)

STT	Tên thể loại sản phẩm	Thời lượng	Ngày công
1	**Tọa đàm loại 1**	**30'**	
	Mỹ thuật		
	Ánh sáng		**11,00**
	Đạo cụ		1,50
	Họa sỹ thể hiện		3,50
	Họa sỹ thiết kế		1,80
	Hóa trang		2,20
	Mộc		1,00
2	**Tọa đàm loại 2**	**30'**	
	Mỹ thuật		**8,70**
	Ánh sáng		1,50
	Đạo cụ		2,50
	Họa sỹ thể hiện		1,44
	Họa sỹ thiết kế		1,76
	Hóa trang		1,00
	Mộc		0,50
3	**Tọa đàm XHH**	**30'**	
	Mỹ thuật		**4,26**
	Ánh sáng		1,50
	Họa sỹ thiết kế		1,76
	Hóa trang		1,00
4	**Bài giảng**	**30'**	
	Mỹ thuật		**9,50**
	Ánh sáng		1,50

STT	Tên thể loại sản phẩm	Thời lượng	Ngày công
	Đạo cụ		2,50
	Họa sỹ thể hiện		2,00
	Họa sỹ thiết kế		1,50
	Hóa trang		1,00
	Mộc		1,00
5	**Đối thoại**		
	Mỹ thuật		**14,85**
	Ánh sáng		
	Đạo cụ		
	Dựng cảnh		
	Họa sỹ thể hiện		
	Họa sỹ thiết kế		
	Hóa trang		
	Mộc		
6	**Giao lưu có khán giả loại 1**	**30'**	
	Mỹ thuật		**24,30**
	Ánh sáng		2,10
	Đạo cụ		4,20
	Họa sỹ thể hiện		7,00
	Họa sỹ thiết kế		7,70
	Hóa trang		1,20
	Mộc		2,10
6	**Giao lưu có khán giả loại 2**	**30'**	
	Mỹ thuật		**20,72**
	Ánh sáng		1,68
	Đạo cụ		4,00
	Họa sỹ thể hiện		6,00
	Họa sỹ thiết kế		6,16

STT	Tên thể loại sản phẩm	Thời lượng	Ngày công
	Hóa trang		1,20
	Mộc		1,68
7	**Giao lưu có khán giả 3 chiều**	**30'**	
	Mỹ thuật		**28,06**
	Ánh sáng		3,00
	Đạo cụ		5,00
	Họa sỹ thể hiện		8,00
	Họa sỹ thiết kế		8,00
	Hóa trang		1,20
	Mộc		2,86
8	**Phim truyện truyền hình (70')**	**70'**	
	Mỹ thuật		**125,67**
	Ánh sáng		36,40
	Đạo cụ		22,00
	Họa sỹ thể hiện		9,10
	Họa sỹ thiết kế		38,20
	Hóa trang		14,90
	Phục trang		5,07
	Tiếng động		
9	**Phim truyện truyền hình (50')**	**50'**	
	Mỹ thuật		**123,10**
	Ánh sáng		30,00
	Đạo cụ		20,30
	Họa sỹ thể hiện		13,00
	Họa sỹ thiết kế		30,00
	Hóa trang		10,90
	Phục trang		13,00
	Tiếng động		5,90

STT	Tên thể loại sản phẩm	Thời lượng	Ngày công
10	**Trò chơi TH sản xuất mới loại 1 (45' - 60')**	**45'**	
	Mỹ thuật		47,50
	Ánh sáng		2,00
	Đạo cụ		6,00
	Họa sỹ thể hiện		16,00
	Họa sỹ thiết kế		19,00
	Hóa trang		1,50
	Mộc		3,00
11	**Trò chơi TH sản xuất mới loại 2 (45' - 60')**	**45'**	
	Mỹ thuật		**39,10**
	Ánh sáng		1,60
	Đạo cụ		4,40
	Họa sỹ thể hiện		14,00
	Họa sỹ thiết kế		15,20
	Hóa trang		1,50
	Mộc		2,40
12	**Trò chơi TH dựng lại (45' - 60')**	**45'**	
	Mỹ thuật		**11,50**
	Ánh sáng		2,00
	Đạo cụ		3,00
	Họa sỹ thể hiện		2,00
	Họa sỹ thiết kế		2,00
	Hóa trang		1,50
	Mộc		1,00
13	**Trang trí khẩu hiệu**		
	Mỹ thuật		**2,50**
	Đạo cụ		1,00
	Họa sỹ thể hiện		1,00
	Mộc		0,50

STT	Tên thể loại sản phẩm	Thời lượng	Ngày công
14	**Ca nhạc trường quay loại 1**	**45'**	
	Mỹ thuật		**33,80**
	Ánh sáng		5,60
	Đạo cụ		9,10
	Họa sỹ thể hiện		7,00
	Họa sỹ thiết kế		7,50
	Hóa trang		3,20
	Mộc		1,40
15	**Ca nhạc trường quay loại 2**	**30'**	
	Mỹ thuật		24,40
	Ánh sáng		4,20
	Đạo cụ		7,00
	Họa sỹ thể hiện		4,00
	Họa sỹ thiết kế		5,50
	Hóa trang		3,00
	Mộc		0,70
16	**Ca nhạc ngoại cảnh loại 1**	**30'**	
	Mỹ thuật		26,30
	Ánh sáng		2,10
	Đạo cụ		4,60
	Họa sỹ thể hiện		8,00
	Họa sỹ thiết kế		8,00
	Hóa trang		3,60
17	**Ca nhạc ngoại cảnh loại 2**	**30'**	
	Mỹ thuật		23,74
	Ánh sáng		1,68
	Đạo cụ		3,18

STT	Tên thể loại sản phẩm	Thời lượng	Ngày công
	Họa sỹ thể hiện		8,00
	Họa sỹ thiết kế		8,00
	Hóa trang		2,88
18	**Ca nhạc ngoại cảnh - HT**	**30'**	
	Mỹ thuật		4,56
	Ánh sáng		1,68
	Hóa trang		2,88
19	**Âm nhạc đời sống ngoại cảnh loại 1**	**30'**	
	Mỹ thuật		17,50
	Ánh sáng		1,50
	Đạo cụ		4,50
	Họa sỹ thể hiện		3,50
	Họa sỹ thiết kế		5,50
	Hóa trang		2,50
20	**Âm nhạc đời sống ngoại cảnh loại 2**	**30'**	
	Mỹ thuật		14,00
	Ánh sáng		1,50
	Đạo cụ		3,50
	Họa sỹ thể hiện		2,50
	Họa sỹ thiết kế		5,00
	Hóa trang		1,50
21	**Âm nhạc đời sống trường quay loại 1**	**30'**	
	Mỹ thuật		**28,70**
	Ánh sáng		3,85
	Đạo cụ		5,60
	Họa sỹ thể hiện		7,50
	Họa sỹ thiết kế		8,25
	Hóa trang		2,00
	Mộc		1,50

STT	Tên thể loại sản phẩm	Thời lượng	Ngày công
22	**Sân khấu trường quay**	**90'**	
	Mỹ thuật		**122,10**
	Ánh sáng		21,00
	Đạo cụ		30,20
	Họa sỹ thể hiện		30,00
	Họa sỹ thiết kế		24,80
	Hóa trang		12,10
	Mộc		4,00
23	**Ca nhạc thiếu nhi ngoại cảnh**	**20'**	
	Mỹ thuật		**15,50**
	Ánh sáng		1,00
	Đạo cụ		4,00
	Họa sỹ thể hiện		3,00
	Họa sỹ thiết kế		5,00
	Hóa trang		2,00
	Mộc		0,50
24	**Ca nhạc thiếu nhi trường quay**	**20'**	
	Mỹ thuật		**22,50**
	Ánh sáng		2,00
	Đạo cụ		5,00
	Họa sỹ thể hiện		5,50
	Họa sỹ thiết kế		7,00
	Hóa trang		2,00
	Mộc		1,00
25	**Phim ca nhạc**	**30'**	
	Mỹ thuật		**48,00**
	Ánh sáng		3,00
	Đạo cụ		15,00
	Họa sỹ thể hiện		7,00

STT	Tên thể loại sản phẩm	Thời lượng	Ngày công
	Họa sỹ thiết kế		13,00
	Hóa trang		9,00
	Mộc		1,00
26	**Tiểu phẩm trường quay loại 1**	**30'**	
	Mỹ thuật		**34,00**
	Ánh sáng		5,50
	Đạo cụ		9,00
	Họa sỹ thể hiện		5,50
	Họa sỹ thiết kế		7,00
	Hóa trang		4,50
	Mộc		2,50
27	**Tiểu phẩm trường quay loại 2**	**30'**	
	Mỹ thuật		18,50
	Ánh sáng		4,00
	Đạo cụ		4,00
	Họa sỹ thể hiện		3,00
	Họa sỹ thiết kế		4,00
	Hóa trang		2,00
	Mộc		1,50
28	**Tiểu phẩm ngoại cảnh loại 1**	**30'**	
	Mỹ thuật		13,50
	Ánh sáng		1,00
	Đạo cụ		3,50
	Họa sỹ thể hiện		2,00
	Họa sỹ thiết kế		4,00
	Hóa trang		2,00
	Mộc		1,00
29	**Tiểu phẩm ngoại cảnh loại 2**	**30'**	
	Mỹ thuật		9,50

STT	Tên thể loại sản phẩm	Thời lượng	Ngày công
	Ánh sáng		1,00
	Đạo cụ		3,00
	Họa sỹ thể hiện		1,50
	Họa sỹ thiết kế		2,00
	Hóa trang		1,50
	Mộc		0,50
30	**Tiểu phẩm trường quay 3 chiều**	**20'**	
	Mỹ thuật		45,30
	Ánh sáng		8,00
	Đạo cụ		12,50
	Họa sỹ thể hiện		10,00
	Họa sỹ thiết kế		6,00
	Hóa trang		6,00
	Mộc		2,80
31	**Ca nhạc trường quay 3 chiều**	**30'**	
	Mỹ thuật		46,80
	Ánh sáng		6,00
	Đạo cụ		12,00
	Họa sỹ thể hiện		12,00
	Họa sỹ thiết kế		8,00
	Hóa trang		6,00
	Mộc		2,80
32	**Sân khấu tự dựng 3 chiều**	**30'**	
	Mỹ thuật		135,70
	Ánh sáng		21,00
	Đạo cụ		37,00
	Họa sỹ thể hiện		30,00
	Họa sỹ thiết kế		30,00
	Hóa trang		12,10
	Mộc		5,60

STT	Tên thể loại sản phẩm	Thời lượng	Ngày công
33	**Ca nhạc thiếu nhi trường quay 3 chiều**	**30'**	
	Mỹ thuật		35,10
	Ánh sáng		5,00
	Đạo cụ		8,00
	Họa sỹ thể hiện		10,00
	Họa sỹ thiết kế		6,00
	Hóa trang		4,00
	Mộc		2,10
34	**Âm nhạc đời sống trường quay loại 2**	**30'**	
	Mỹ thuật		22,96
	Ánh sáng		3,08
	Đạo cụ		4,48
	Họa sỹ thể hiện		6,00
	Họa sỹ thiết kế		6,60
	Hóa trang		1,60
	Mộc		1,20
35	**Diễn đàn đối thoại**	**30'**	
	Mỹ thuật		12,51
	Ánh sáng		1,51
	Đạo cụ		3,51
	Họa sỹ thể hiện		3,02
	Họa sỹ thiết kế		3,02
	Hóa trang		0,45
	Mộc		1,00
36	**Giao lưu văn nghệ**	**30'**	
	Mỹ thuật		36,00
	Ánh sáng		4,00

STT	Tên thể loại sản phẩm	Thời lượng	Ngày công
	Đạo cụ		6,00
	Họa sỹ thể hiện		10,00
	Họa sỹ thiết kế		10,00
	Hóa trang		4,00
	Mộc		2,00
37	**Trường quay ảo**	**30'**	
	Mỹ thuật		5,10
	Ánh sáng		1,50
	Đạo cụ		1,50
	Họa sỹ thiết kế		1,00
	Hóa trang		1,00
	Mộc		0,10

Phụ lục 2

ĐỊNH MỨC HAO PHÍ THIẾT BỊ TRONG SẢN XUẤT CHƯƠNG TRÌNH TRUYỀN HÌNH

(Ban hành kèm theo Thông tư số 30/2010/TT-BTTTT ngày 31/12/2010 của Bộ Thông tin và Truyền thông)

STT	Tên chương trình	Thời lượng	Chủng loại máy	Số ca máy
I	**BÁO CHÍ**			
1	**Phổ biến kiến thức 30' máy lẻ loại 1**	**30'**		
	KT đọc		Hệ thống phòng đọc	0,29
	KT dựng phi tuyến		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	2,00
	KT máy lưu động		Bộ 2/3" CCD Camcoder:	3,00
	KT Tquay		Hệ thống thiết bị trường quay 3 cam	0,29
2	**Phổ biến kiến thức 30' xe màu loại 1**	**30'**		
	KT đọc		Hệ thống phòng đọc	0,14
	KT dựng phi tuyến		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	2,00
	KT ghi hình 3 - 4 cam		Thiết bị xe màu	1,00
3	**Phổ biến kiến thức 30' máy lẻ loại 2**	**30'**		
	KT đọc		Hệ thống phòng đọc	0,29
	KT dựng phi tuyến		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	2,00
	KT máy lưu động		Bộ 2/3" CCD Camcoder:	2,00
	KT Tquay		Hệ thống thiết bị trường quay 3 cam	0,29
4	**Phổ biến kiến thức 30' loại 2 TQ lớn**	**30'**		
	KT đọc		Hệ thống phòng đọc	0,29
	KT dựng phi tuyến		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	2,00
	KT máy lưu động		Bộ 2/3" CCD Camcoder:	2,00
	KT Tquay		Hệ thống thiết bị trường quay 3 cam	0,50

STT	Tên chương trình	Thời lượng	Chủng loại máy	Số ca máy
5	**Phổ biến kiến thức (15 - 20') máy lẻ**	**15'**		
	KT dựng phi tuyến		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	1,00
	KT máy lưu động		Bộ 2/3" CCD Camcoder:	1,00
6	**Phóng sự đồng hành 7 - 10' loại 1**	**7'**		
	KT đọc		Hệ thống phòng đọc	0,14
	KT dựng phi tuyến		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	1,00
	KT máy lưu động		Bộ 2/3" CCD Camcoder:	1,50
7	**Phóng sự đồng hành 7 - 10' loại 2**	**7'**		
	KT đọc		Hệ thống phòng đọc	0,14
	KT dựng phi tuyến		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	1,00
	KT máy lưu động		Bộ 2/3" CCD Camcoder:	1,50
8	**Phóng sự nhân vật buổi sáng 8'**	**8'**		
	KT đọc		Hệ thống phòng đọc	0,07
	KT dựng phi tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	0,50
	KT máy lưu động		Bộ 2/3" CCD Camcoder:	1,00
9	**Phóng sự chính luận 10' loại 1**	**10'**		
	KT đọc		Hệ thống phòng đọc	0,14
	KT dựng phi tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	1,00
	KT máy lưu động		Bộ 2/3" CCD Camcoder:	4,00
10	**Phóng sự chính luận 10' loại 2**	**10'**		
	KT đọc		Hệ thống phòng đọc	0,14
	KT dựng phi tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	0,50
	KT máy lưu động		Bộ 2/3" CCD Camcoder:	2,00

STT	Tên chương trình	Thời lượng	Chủng loại máy	Số ca máy
11	**Phóng sự chính luận 15' loại 1**	**15'**		
	KT đọc		Hệ thống phòng đọc	0,14
	KT dựng phi tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	1,00
	KT hòa âm		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	0,14
	KT máy lưu động		Bộ 2/3" CCD Camcoder:	4,00
12	**Phóng sự chính luận 15' có TQ nhỏ**	**15'**		
	KT đọc		Hệ thống phòng đọc	0,14
	KT dựng phi tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	1,00
	KT máy lưu động		Bộ 2/3" CCD Camcoder:	4,00
	KT Tquay nhỏ		Hệ thống thiết bị trường quay 3 cam	0,29
13	**Phóng sự điều tra 15'**	**15'**		
	KT đọc		Hệ thống phòng đọc	0,14
	KT dựng phi tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	1,00
	KT hòa âm		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	0,14
	KT máy lưu động		Bộ 2/3" CCD Camcoder:	7,00
14	**Phóng sự điều tra 30'**	**30'**		
	KT đọc		Hệ thống phòng đọc	0,29
	KT dựng phi tuyến		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	1,00
	KT dựng tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	2,00
	KT máy lưu động		Bộ 2/3" CCD Camcoder:	8,00
15	**Phóng sự tài liệu loại 1 (15P)**	**15'**		
	Kỹ thuật đọc		Hệ thống phòng đọc	0,15
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	2,00
	Kỹ thuật hòa âm		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	0,15
	Kỹ thuật máy lưu động		Bộ 2/3" CCD Camcoder:	5,50

STT	Tên chương trình	Thời lượng	Chủng loại máy	Số ca máy
16	**Phóng sự tài liệu loại 2 (15P)**	**15'**		
	Kỹ thuật đọc		Hệ thống phòng đọc	0,15
	Kỹ thuật dựng phi tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	1,50
	Kỹ thuật hòa âm		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	0,15
	Kỹ thuật máy lưu động		Bộ 2/3" CCD Camcoder:	5,00
17	**Phóng sự tài liệu loại 1 (20P)**	**20'**		
	Kỹ thuật đọc		Hệ thống phòng đọc	0,21
	Kỹ thuật dựng phi tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	2,50
	Kỹ thuật hòa âm		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	0,21
	Kỹ thuật máy lưu động		Bộ 2/3" CCD Camcoder:	6,00
18	**Phóng sự tài liệu loại 2 (20P)**	**20'**		
	Kỹ thuật đọc		Hệ thống phòng đọc	0,15
	Kỹ thuật dựng phi tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	1,50
	Kỹ thuật hòa âm		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	0,15
	Kỹ thuật máy lưu động		Bộ 2/3" CCD Camcoder:	5,50
19	**Phóng sự tài liệu loại 1 (30P)**	**30'**		
	Kỹ thuật đọc		Hệ thống phòng đọc	0,21
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	3,50
	Kỹ thuật hòa âm		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	0,21
	Kỹ thuật máy lưu động		Bộ 2/3" CCD Camcoder:	7,00
20	**Phóng sự tài liệu loại 2 (30P)**	**30'**		
	Kỹ thuật đọc		Hệ thống phòng đọc	0,21

STT	Tên chương trình	Thời lượng	Chủng loại máy	Số ca máy
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	3,00
	Kỹ thuật hòa âm		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	0,21
	Kỹ thuật máy lưu động		Bộ 2/3" CCD Camcoder:	6,00
21	**Phim tài liệu chính luận 20' loại 1**	**20'**		
	Kỹ thuật đọc		Hệ thống phòng đọc	0,29
	Kỹ thuật dựng phi tuyến		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	3,00
	Kỹ thuật hòa âm		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	0,29
	Kỹ thuật máy lưu động		Bộ 2/3" CCD Camcoder:	8,00
22	**Phim tài liệu chính luận 20' loại 2**	**20'**		
	Kỹ thuật đọc		Hệ thống phòng đọc	0,29
	Kỹ thuật dựng phi tuyến		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	2,50
	Kỹ thuật hòa âm		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	0,29
	Kỹ thuật máy lưu động		Bộ 2/3" CCD Camcoder:	6,50
23	**Phim tài liệu chính luận 30' loại 1**	**30'**		
	Kỹ thuật đọc		Hệ thống phòng đọc	0,29
	Kỹ thuật dựng phi tuyến		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	6,00
	Kỹ thuật hòa âm		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	0,29
	Kỹ thuật máy lưu động		Bộ 2/3" CCD Camcoder:	14,00
24	**Phim tài liệu chính luận 30' loại 2**	**30'**		
	Kỹ thuật đọc		Hệ thống phòng đọc	0,29
	Kỹ thuật dựng phi tuyến		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	5,00
	Kỹ thuật hòa âm		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	0,29
	Kỹ thuật máy lưu động		Bộ 2/3" CCD Camcoder:	12,00

STT	Tên chương trình	Thời lượng	Chủng loại máy	Số ca máy
25	**Phim tài liệu chính luận 50' loại 1**	**50'**		
	Kỹ thuật đọc		Hệ thống phòng đọc	0,38
	Kỹ thuật dựng phi tuyến		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	8,00
	Kỹ thuật hòa âm		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	0,38
	Kỹ thuật máy lưu động		Bộ 2/3" CCD Camcoder:	20,00
26	**Phim tài liệu chính luận 50' loại 2**	**50'**		
	Kỹ thuật đọc		Hệ thống phòng đọc	0,30
	Kỹ thuật dựng phi tuyến		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	6,00
	Kỹ thuật hòa âm		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	0,30
	Kỹ thuật máy lưu động		Bộ 2/3" CCD Camcoder:	17,00
27	**Phim tài liệu khoa học 45'**	**45'**		
	Kỹ thuật đọc		Hệ thống phòng đọc	0,29
	Kỹ thuật dựng phi tuyến		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	3,00
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	3,00
	Kỹ thuật hòa âm		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	0,29
	Kỹ thuật máy lưu động		Bộ 2/3" CCD Camcoder:	13,00
28	**Phim tài liệu khoa học loại 1 30'**	**30'**		
	Kỹ thuật đọc		Hệ thống phòng đọc	0,43
	Kỹ thuật dựng phi tuyến		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	4,00
	Kỹ thuật hòa âm		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	0,29
	Kỹ thuật máy lưu động		Bộ 2/3" CCD Camcoder:	8,00

STT	Tên chương trình	Thời lượng	Chủng loại máy	Số ca máy
29	**Phim tài liệu khoa học loại 2 30'**	**30'**		
	Kỹ thuật đọc		Hệ thống phòng đọc	0,43
	Kỹ thuật dựng phi tuyến		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	3,00
	Kỹ thuật hòa âm		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	0,29
	Kỹ thuật máy lưu động		Bộ 2/3" CCD Camcoder:	6,00
30	**Phim tài liệu nghệ thuật 20' loại 1**	**20'**		
	Kỹ thuật đọc		Hệ thống phòng đọc	0,50
	Kỹ thuật dựng phi tuyến		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	3,00
	Kỹ thuật hòa âm		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	0,29
	Kỹ thuật máy lưu động		Bộ 2/3" CCD Camcoder:	6,00
31	**Phim tài liệu nghệ thuật 20' loại 2**	**20'**		
	Kỹ thuật đọc		Hệ thống phòng đọc	0,50
	Kỹ thuật dựng phi tuyến		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	2,50
	Kỹ thuật hòa âm		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	0,29
	Kỹ thuật máy lưu động		Bộ 2/3" CCD Camcoder:	5,50
32	**Phim tài liệu nghệ thuật 30' loại 1**	**30'**		
	Kỹ thuật đọc		Hệ thống phòng đọc	0,29
	Kỹ thuật dựng phi tuyến		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	4,00
	Kỹ thuật hòa âm		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	0,29
	Kỹ thuật máy lưu động		Bộ 2/3" CCD Camcoder:	8,00
33	**Phim tài liệu nghệ thuật 30' loại 2**	**30'**		
	Kỹ thuật đọc		Hệ thống phòng đọc	0,29
	Kỹ thuật dựng phi tuyến		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	3,00
	Kỹ thuật hòa âm		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	0,29
	Kỹ thuật máy lưu động		Bộ 2/3" CCD Camcoder:	6,50

STT	Tên chương trình	Thời lượng	Chủng loại máy	Số ca máy
34	**Tạp chí CĐ trực tiếp 15' loại 1**	**15'**		
	Kỹ thuật đọc		Hệ thống phòng đọc	0,17
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	1,00
	Kỹ thuật máy lưu động		Bộ 2/3" CCD Camcoder:	2,50
	Kỹ thuật trường quay		Hệ thống thiết bị trường quay 3 cam	0,17
35	**Tạp chí CĐ trực tiếp 30' loại 1**	**30'**		
	Kỹ thuật đọc		Hệ thống phòng đọc	0,14
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	2,00
	Kỹ thuật máy lưu động		Bộ 2/3" CCD Camcoder:	5,00
	Kỹ thuật trường quay		Hệ thống thiết bị trường quay 3 cam	0,17
36	**Tạp chí CĐ trực tiếp 30' loại 2**	**30'**		
	Kỹ thuật đọc		Hệ thống phòng đọc	0,25
	Kỹ thuật dựng Newsroom		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	2,00
	Kỹ thuật trường quay		Hệ thống thiết bị trường quay 3 cam	0,33
37	**Tạp chí thể thao (15P)**	**15'**		
	Kỹ thuật Máy lưu động		Bộ 2/3" CCD Camcoder:	2,00
	Kỹ thuật trường quay		Hệ thống thiết bị trường quay 3 cam	0,08
38	**Tạp chí thể thao (30P)**	**30'**		
	Kỹ thuật đọc		Hệ thống phòng đọc	0,42
	Kỹ thuật dựng phi tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	2,00
	Kỹ thuật hòa âm		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	0,29
	Kỹ thuật máy lưu động		Bộ 2/3" CCD Camcoder:	4,00

STT	Tên chương trình	Thời lượng	Chủng loại máy	Số ca máy
39	**Trả lời khán giả truyền hình 15'**	**15'**		
	Kỹ thuật đọc		Hệ thống phòng đọc	0,14
	Kỹ thuật dựng phi tuyến		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	1,00
	Kỹ thuật máy lưu động		Bộ 2/3" CCD Camcoder:	2,00
40	**Trả lời thư khán giả theo từng khu vực**	**20'**		
	Kỹ thuật đọc		Hệ thống phòng đọc	0,14
	Kỹ thuật dựng phi tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	1,00
	Kỹ thuật máy lưu động		Bộ 2/3" CCD Camcoder:	0,40
	Kỹ thuật trường quay (trực tiếp)		Hệ thống thiết bị trường quay 3 cam	0,14
41	**Tạp chí thiếu nhi trường quay 20'**	**20'**		
	Kỹ thuật đọc		Hệ thống phòng đọc	0,14
	Kỹ thuật dựng phi tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	1,00
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	1,00
	Kỹ thuật máy lưu động		Bộ 2/3" CCD Camcoder:	2,00
	Kỹ thuật trường quay		Hệ thống thiết bị trường quay 3 cam	0,50
42	**Tạp chí TTN máy lẻ 20' loại 1**	**20'**		
	Kỹ thuật đọc		Hệ thống phòng đọc	0,14
	Kỹ thuật dựng phi tuyến		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	1,00
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	1,00
	Kỹ thuật máy lưu động		Bộ 2/3" CCD Camcoder:	2,00

STT	Tên chương trình	Thời lượng	Chủng loại máy	Số ca máy
43	**Khách mời trường quay**	**8'**		
	Kỹ thuật dựng phi tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	0,30
	Kỹ thuật trường quay trực tiếp		Hệ thống thiết bị trường quay 3 cam	0,20
44	**Tạp chí ca nhạc 30'**	**30'**		
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	2,00
	Kỹ thuật máy lưu động		Bộ 2/3" CCD Camcoder:	1,00
	Kỹ thuật trường quay ảo (T.tiếp)		Hệ thống thiết bị trường quay 3 cam	0,50
45	**Tạp chí tổng hợp 30'**	**30'**		
	Kỹ thuật đọc		Hệ thống phòng đọc	0,14
	Kỹ thuật dựng phi tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	1,14
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	2,00
	Kỹ thuật máy lưu động		Bộ 2/3" CCD Camcoder:	3,00
46	**Tạp chí thời trang 30'**	**30'**		
	Kỹ thuật đọc		Hệ thống phòng đọc	0,42
	Kỹ thuật dựng phi tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	2,00
	Kỹ thuật hòa âm		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	0,29
	Kỹ thuật máy lưu động		Bộ 2/3" CCD Camcoder:	4,00
47	**Tạp chí khoa giáo loại 1 máy lẻ 30'**	**30'**		
	Kỹ thuật đọc		Hệ thống phòng đọc	0,29
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	2,00
	Kỹ thuật máy lưu động		Bộ 2/3" CCD Camcoder:	4,00

STT	Tên chương trình	Thời lượng	Chủng loại máy	Số ca máy
	Kỹ thuật trường quay		Hệ thống thiết bị trường quay 3 cam	0,29
48	**Tạp chí khoa giáo loại 2 máy lẻ 30'**	**30'**		
	Kỹ thuật đọc		Hệ thống phòng đọc	0,29
	Kỹ thuật dựng phi tuyến		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	2,00
	Kỹ thuật máy lưu động		Bộ 2/3" CCD Camcoder:	4,00
	Kỹ thuật trường quay		Hệ thống thiết bị trường quay 3 cam	0,29
49	**Tạp chí nghệ thuật loại 1 - 30'**	**30'**		
	Kỹ thuật đọc		Hệ thống phòng đọc	0,29
	Kỹ thuật dựng phi tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	3,00
	Kỹ thuật máy lưu động		Bộ 2/3" CCD Camcoder:	4,50
50	**Tạp chí nghệ thuật loại 2 - 30'**	**30'**		
	Kỹ thuật đọc		Hệ thống phòng đọc	0,29
	Kỹ thuật dựng phi tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	2,00
	Kỹ thuật hòa âm		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	0,29
	Kỹ thuật máy lưu động		Bộ 2/3" CCD Camcoder:	3,00
	Kỹ thuật trường quay		Hệ thống thiết bị trường quay 3 cam	0,29
	Kỹ thuật thu thanh		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	1,50
51	**Tạp chí chuyên đề 30' loại 1 TQ lớn**	**30'**		
	Kỹ thuật đọc		Hệ thống phòng đọc	0,29
	Kỹ thuật dựng phi tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	2,50
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	1,00
	Kỹ thuật hòa âm		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	0,29

STT	Tên chương trình	Thời lượng	Chủng loại máy	Số ca máy
	Kỹ thuật máy lưu động		Bộ 2/3" CCD Camcoder:	5,00
	Kỹ thuật trường quay ảo		Hệ thống thiết bị trường quay 3 cam	0,50
52	**Tạp chí chuyên đề 30' loại 2 TQ lớn**	**30'**		
	Kỹ thuật đọc		Hệ thống phòng đọc	0,29
	Kỹ thuật dựng phi tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	1,00
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	1,50
	Kỹ thuật ghi hình 3 - 4 cam		Thiết bị xe màu	0,25
	Kỹ thuật hòa âm		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	0,29
	Kỹ thuật máy lưu động		Bộ 2/3" CCD Camcoder:	5,00
53	**Tạp chí chuyên đề 30' loại 1 máy lẻ**	**30'**		
	Kỹ thuật đọc		Hệ thống phòng đọc	0,29
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	2,00
	Kỹ thuật máy lưu động		Bộ 2/3" CCD Camcoder:	7,00
54	**Tạp chí chuyên đề 30' loại 2 máy lẻ**	**30'**		
	Kỹ thuật đọc		Hệ thống phòng đọc	0,29
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	2,00
	Kỹ thuật hòa âm		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	0,29
	Kỹ thuật máy lưu động		Bộ 2/3" CCD Camcoder:	6,00
	Kỹ thuật trường quay		Hệ thống thiết bị trường quay 3 cam	0,29
II	**BẢN TIN**			
55	**Chào buổi sáng**	**70'**		
	Kỹ thuật dựng Newsroom		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	0,29

STT	Tên chương trình	Thời lượng	Chủng loại máy	Số ca máy
	Kỹ thuật đọc		Hệ thống phòng đọc	0,60
	Kỹ thuật dựng phi tuyến		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	0,57
	Kỹ thuật dựng phi tuyến ĐS		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	0,29
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	3,43
	Kỹ thuật máy lưu động		Bộ 2/3" CCD Camcoder:	3,70
	Kỹ thuật TQ ảo T.tiếp		Hệ thống thiết bị trường quay 3 cam	0,35
	Kỹ thuật trường quay T.tiếp		Hệ thống thiết bị trường quay 3 cam	0,35
56	**Bản tin 9h**	**30'**		
	Kỹ thuật dựng Newsroom		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	0,14
	Kỹ thuật đọc		Hệ thống phòng đọc	0,10
	Kỹ thuật dựng phi tuyến ĐS		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	0,14
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	0,50
	Kỹ thuật trường quay T.tiếp		Hệ thống thiết bị trường quay 3 cam	0,15
	Kỹ thuật máy lưu động		Bộ 2/3" CCD Camcoder:	0,50
57	**Bản tin 12h**	**15'**		
	Kỹ thuật dựng Newsroom		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	0,14
	Kỹ thuật đọc		Hệ thống phòng đọc	0,20
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	1,21
	Kỹ thuật trường quay T.tiếp		Hệ thống thiết bị trường quay 3 cam	0,07
	Kỹ thuật máy lưu động		Bộ 2/3" CCD Camcoder:	1,95
58	**Bản tin 16h**	**10'**		
	Kỹ thuật dựng Newsroom		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	0,50

STT	Tên chương trình	Thời lượng	Chủng loại máy	Số ca máy
	Kỹ thuật đọc		Hệ thống phòng đọc	0,07
	Kỹ thuật trường quay T.tiếp		Hệ thống thiết bị trường quay 3 cam	0,15
59	**Bản tin 19h - 37'(*)**	**37'**		
	Kỹ thuật dựng Newsroom		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	0,50
	Kỹ thuật đọc		Hệ thống phòng đọc	0,14
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	2,00
	Kỹ thuật trường quay T.tiếp		Hệ thống thiết bị trường quay 3 cam	0,33
	Kỹ thuật máy lưu động		Bộ 2/3" CCD Camcoder:	5,00
60	**Bản tin nhanh**	**5'**		
	Kỹ thuật dựng Newsroom		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	0,45
	Kỹ thuật đọc		Hệ thống phòng đọc	0,07
61	**Bản tin thời tiết 19h**	**5'**		
	Kỹ thuật dựng phi tuyến ĐS		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	0,50
	Kỹ thuật TQ ảo T.tiếp		Hệ thống thiết bị trường quay 3 cam	0,29
62	**Bản tin cuối ngày**	**20'**		
	Kỹ thuật dựng Newsroom		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	0,29
	Kỹ thuật đọc		Hệ thống phòng đọc	0,19
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	1,00
	Kỹ thuật trường quay T.tiếp		Hệ thống thiết bị trường quay 3 cam	0,33
	Kỹ thuật máy lưu động		Bộ 2/3" CCD Camcoder:	1,70
63	**Bản tin thể thao 24/7**	**5'**		
	Kỹ thuật đọc		Hệ thống phòng đọc	0,14

STT	Tên chương trình	Thời lượng	Chủng loại máy	Số ca máy
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	0,57
	Kỹ thuật máy lưu động		Bộ 2/3" CCD Camcoder:	1,50
	Kỹ thuật trường quay ảo trực tiếp		Hệ thống thiết bị trường quay 3 cam	0,21
64	**Bản tin thị trường - 10'**	**10'**		
	Kỹ thuật đọc		Hệ thống phòng đọc	0,17
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	1,00
	Kỹ thuật máy lưu động		Bộ 2/3" CCD Camcoder:	1,00
	Kỹ thuật trường quay ảo trực tiếp		Hệ thống thiết bị trường quay 3 cam	0,30
65	**Bản tin thị trường - 10' PHSX**	**10'**		
	Kỹ thuật đọc		Hệ thống phòng đọc	0,07
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	0,29
	Kỹ thuật máy lưu động		Bộ 2/3" CCD Camcoder:	0,20
	Kỹ thuật trường quay ảo trực tiếp		Hệ thống thiết bị trường quay 3 cam	0,30
66	**Bản tin khiếm thính**	**45'**		
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	0,30
67	**Bản tin ATGT cuối tuần**	**15'**		
	Kỹ thuật đọc		Hệ thống phòng đọc	0,14
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	1,00
	Kỹ thuật máy lưu động		Bộ 2/3" CCD Camcoder:	2,00
	Kỹ thuật trường quay ảo trực tiếp		Hệ thống thiết bị trường quay 3 cam	0,21

STT	Tên chương trình	Thời lượng	Chủng loại máy	Số ca máy
68	**Bản tin thể thao - 30'**	**30'**		
	Kỹ thuật đọc		Hệ thống phòng đọc	0,42
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	2,00
	Kỹ thuật máy lưu động		Bộ 2/3" CCD Camcoder:	4,00
	Kỹ thuật trường quay ảo trực tiếp		Hệ thống thiết bị trường quay 3 cam	0,33
69	**Bản tin 10' - update**	**10'**		
	Kỹ thuật đọc		Hệ thống phòng đọc	0,07
	Kỹ thuật dựng phi tuyến		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	0,14
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	0,14
	Kỹ thuật trường quay (trực tiếp)		Bộ 2/3" CCD Camcoder:	0,14
70	**Bản tin ngoại ngữ 30'**	**30'**		
	Kỹ thuật đọc		Hệ thống phòng đọc	0,29
	Kỹ thuật tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	0,80
	Kỹ thuật máy lưu động		Bộ 2/3" CCD Camcoder:	0,85
	Kỹ thuật trường quay (trực tiếp)		Hệ thống thiết bị trường quay 3 cam	0,21
71	**Bản tin tiếng Việt 30' tổng hợp**	**30'**		
	Kỹ thuật đọc		Hệ thống phòng đọc	0,14
	Kỹ thuật tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	0,70
	Kỹ thuật máy lưu động		Bộ 2/3" CCD Camcoder:	1,00
	Kỹ thuật trường quay (trực tiếp)		Hệ thống thiết bị trường quay 3 cam	0,21
72	**Bản tin thời sự tiếng dân tộc 30'**	**30'**		
	Kỹ thuật tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	0,50
	Kỹ thuật trường quay		Hệ thống thiết bị trường quay 3 cam	0,14

STT	Tên chương trình	Thời lượng	Chủng loại máy	Số ca máy
73	**Tiêu điểm - 10'**	**10'**		
	Kỹ thuật tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	0,50
	Kỹ thuật trường quay		Hệ thống thiết bị trường quay 3 cam	0,29
74	**Khoán bản tin thời tiết các kênh/ngày**	**10'**		
	KT dựng phi tuyến ĐS		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	0,50
75	**Tin thời sự**	**1'**		
	Kỹ thuật đọc		Hệ thống phòng đọc	0,04
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	0,14
	Kỹ thuật máy lưu động		Bộ 2/3" CCD Camcoder:	0,40
76	**Phóng sự thời sự 2'**	**2'**		
	Kỹ thuật máy lưu động		Bộ 2/3" CCD Camcoder:	0,14
	Kỹ thuật đọc		Hệ thống phòng đọc	0,14
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	0,40
III	**BIÊN TẬP CHƯƠNG TRÌNH PHÁT SÓNG**			
77	**Giới thiệu c/trình đặc sắc loại 1**	**1'**		
	Kỹ thuật đọc		Hệ thống phòng đọc	0,14
	Kỹ thuật dựng phi tuyến ĐS		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	1,50
78	**Giới thiệu c/trình đặc sắc loại 2**	**1'**		
	Kỹ thuật đọc		Hệ thống phòng đọc	0,07
	Kỹ thuật dựng phi tuyến ĐS		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	1,20
79	**Giới thiệu c.trình tuần**	**10'**		
	Kỹ thuật đọc		Hệ thống phòng đọc	0,20

STT	Tên chương trình	Thời lượng	Chủng loại máy	Số ca máy
	Kỹ thuật dựng phi tuyến ĐS		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	1,50
80	**Giới thiệu chương trình tuần, tháng**	**10'**		
	Kỹ thuật đọc		Hệ thống phòng đọc	0,07
	Kỹ thuật dựng phi tuyến ĐS		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	1,00
81	**Giới thiệu chương trình ngày KV**	**1'**		
	Kỹ thuật dựng phi tuyến ĐS		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	0,50
82	**Giới thiệu chương trình tuần khu vực**	**10'**		
	Kỹ thuật đọc		Hệ thống phòng đọc	1,00
	Kỹ thuật dựng phi tuyến ĐS		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	0,50
83	**Cổ động**	**1'**		
	Kỹ thuật đọc		Hệ thống phòng đọc	0,07
	Kỹ thuật dựng phi tuyến ĐS		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	1,20
84	**Cổ động đặc sắc**	**1'**		
	Kỹ thuật đọc		Hệ thống phòng đọc	0,07
	Kỹ thuật dựng phi tuyến ĐS		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	1,50
85	**Đệm tư liệu**	**4'**		
	Kỹ thuật đọc		Hệ thống phòng đọc	0,07
	Kỹ thuật dựng phi tuyến ĐS		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	1,20
86	**Đệm sản xuất**	**10'**		
	Kỹ thuật âm thanh		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	0,14
	Kỹ thuật máy lưu động		Bộ 2/3" CCD Camcoder:	2,00

STT	Tên chương trình	Thời lượng	Chủng loại máy	Số ca máy
	Kỹ thuật dựng phi tuyến		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	1,50
87	**Thông tin chuyên biệt**	**3'**		
	Kỹ thuật dựng Phi tuyến ĐS		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	1,50
	Kỹ thuật đọc		Hệ thống phòng đọc	0,14
88	**Trực móc nối PS sóng ca ngày đa nguồn tín hiệu**	**360'**		
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	0,19
89	**Trực móc nối PS sóng ca ngày đơn nguồn tín hiệu**	**360'**		
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	0,19
90	**Trực móc nối PS ca đêm đơn nguồn tín hiệu**	**360'**		
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	0,19
91	**Trực móc nối PS ca đêm đa nguồn tín hiệu**	**360'**		
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	0,19
	Kỹ thuật trường quay trực tiếp		Hệ thống thiết bị trường quay 3 cam	0,21
IV	**GIAO LƯU**			
92	**Bình luận thể thao trực tiếp**	**15'**		
	Kỹ thuật đọc		Hệ thống phòng đọc	0,14

STT	Tên chương trình	Thời lượng	Chủng loại máy	Số ca máy
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	0,50
	Kỹ thuật máy lưu động		Bộ 2/3" CCD Camcoder:	3,00
	Kỹ thuật trường quay chủ cầu		Hệ thống thiết bị trường quay 3 cam	0,29
93	**Bình luận trước sau trận đấu**	**15'**		
	Kỹ thuật đọc		Hệ thống phòng đọc	0,14
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	0,30
	Kỹ thuật máy lưu động		Bộ 2/3" CCD Camcoder:	2,00
	Kỹ thuật trường quay chủ cầu		Hệ thống thiết bị trường quay 3 cam	0,29
94	**Tọa đàm Trường quay loại 1 (30')**	**30'**		
	Kỹ thuật đọc		Hệ thống phòng đọc	0,07
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	2,00
	Kỹ thuật máy lưu động		Bộ 2/3" CCD Camcoder:	2,00
	Kỹ thuật trường quay		Hệ thống thiết bị trường quay 3 cam	1,00
95	**Tọa đàm Trường quay loại 2 (30')**	**30'**		
	Kỹ thuật đọc		Hệ thống phòng đọc	0,29
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	1,00
	Kỹ thuật hòa âm		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	0,29
	Kỹ thuật máy lưu động		Bộ 2/3" CCD Camcoder:	2,00
	Kỹ thuật trường quay (AT, ĐH, PC,VTR)		Hệ thống thiết bị trường quay 3 cam	0,50
96	**Tọa đàm ngoại cảnh (30')**	**30'**		
	Kỹ thuật đọc		Hệ thống phòng đọc	0,29

STT	Tên chương trình	Thời lượng	Chủng loại máy	Số ca máy
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	2,00
	Kỹ thuật máy lưu động		Bộ 2/3" CCD Camcoder:	3,00
97	**Tọa đàm Trường quay L1 (45' - 60')**	**40'**		
	Kỹ thuật đọc		Hệ thống phòng đọc	0,29
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	2,00
	Kỹ thuật máy lưu động		Bộ 2/3" CCD Camcoder:	3,00
	Kỹ thuật trường quay		Hệ thống thiết bị trường quay 3 cam	1,00
98	**Tọa đàm Trường quay L2 (45' - 60')**	**40'**		
	Kỹ thuật đọc		Hệ thống phòng đọc	0,29
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	1,50
	Kỹ thuật máy lưu động		Bộ 2/3" CCD Camcoder:	3,00
	Kỹ thuật trường quay		Hệ thống thiết bị trường quay 3 cam	1,00
99	**Giao lưu khán giả Tquay 40' - 60' L1**	**40'**		
	Kỹ thuật đọc		Hệ thống phòng đọc	0,29
	Kỹ thuật dựng phi tuyến		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	1,50
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	1,00
	Kỹ thuật ghi hình 3 - 4 cam		Thiết bị xe màu	1,00
	Kỹ thuật máy lưu động		Bộ 2/3" CCD Camcoder:	2,00
100	**Giao lưu khán giả Tquay 40' - 60' xe màu NC**	**40'**		
	Kỹ thuật đọc		Hệ thống phòng đọc	0,29

STT	Tên chương trình	Thời lượng	Chủng loại máy	Số ca máy
	Kỹ thuật dựng phi tuyến		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	2,00
	Kỹ thuật ghi hình 3 - 4 cam		Thiết bị xe màu	1,00
	Kỹ thuật máy lưu động		Bộ 2/3" CCD Camcoder:	3,00
101	**Giao lưu chính luận Tquay 45' - 60'**	**45'**		
	Kỹ thuật đọc		Hệ thống phòng đọc	0,30
	Kỹ thuật dựng phi tuyến		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	1,50
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	1,00
	Kỹ thuật máy lưu động		Bộ 2/3" CCD Camcoder:	4,00
	Kỹ thuật trường quay		Hệ thống thiết bị trường quay 3 cam	1,00
102	**Giao lưu văn nghệ L1 - TQ có thu thanh 45' - 60'**	**45'**		
	Kỹ thuật đọc		Hệ thống phòng đọc	0,30
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	2,00
	Kỹ thuật máy lưu động		Bộ 2/3" CCD Camcoder:	2,00
	Kỹ thuật thu thanh		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	6,00
	Kỹ thuật trường quay		Hệ thống thiết bị trường quay 3 cam	1,00
103	**Giao lưu văn nghệ L1 - TQ 45' - 60'**	**45'**		
	Kỹ thuật đọc		Hệ thống phòng đọc	0,14
	Kỹ thuật dựng Ptuyến		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	0,50
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	1,00
	Kỹ thuật máy lưu động		Bộ 2/3" CCD Camcoder:	2,00
	Kỹ thuật trường quay		Hệ thống thiết bị trường quay 3 cam	1,00

STT	Tên chương trình	Thời lượng	Chủng loại máy	Số ca máy
104	**Giao lưu văn nghệ L2 - TQ 45' - 60'**	**45'**		
	Kỹ thuật thu thanh		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	2,00
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	2,00
	Kỹ thuật máy lưu động		Bộ 2/3" CCD Camcoder:	2,00
	Kỹ thuật trường quay		Hệ thống thiết bị trường quay 3 cam	1,00
105	**Giao lưu văn nghệ xe màu 45' - 60'**	**45'**		
	Kỹ thuật dựng Phi tuyến		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	2,00
	Kỹ thuật ghi hình 3 - 4 cam		Thiết bị xe màu	2,00
106	**Giao lưu gặp gỡ TH 90' - 120' xe màu**	**90'**		
	Kỹ thuật đọc		Hệ thống phòng đọc	0,20
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	1,50
	Kỹ thuật ghi hình 3 - 4 cam		Thiết bị xe màu	1,00
	Kỹ thuật máy lưu động		Bộ 2/3" CCD Camcoder:	2,00
107	**Phối hợp sản xuất giao lưu tại TQ**	**30'**		
	KT trường quay		Hệ thống thiết bị trường quay 3 cam	1,50
108	**Truyền hình thực tế - Giao lưu TQ L1**	**50'**		
	KT đọc		Hệ thống phòng đọc	0,30
	KT dựng phi tuyến		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	2,00
	KT máy lưu động		Bộ 2/3" CCD Camcoder:	2,00
	KT Tquay		Hệ thống thiết bị trường quay 3 cam	1,00

STT	Tên chương trình	Thời lượng	Chủng loại máy	Số ca máy
109	**Truyền hình thực tế - Giao lưu TQ L2**	**50'**		
	KT đọc		Hệ thống phòng đọc	0,30
	KT dựng phi tuyến		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	2,00
	KT máy lưu động		Bộ 2/3" CCD Camcoder:	12,00
	KT máy lưu động VN		Bộ 2/3" CCD Camcoder:	1,00
	KT Tquay		Hệ thống thiết bị trường quay 3 cam	0,50
110	**Truyền hình thực tế L1 - Ngoại cảnh**	**45'**		
	KT đọc		Hệ thống phòng đọc	0,30
	KT dựng tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	3,00
	KT máy lưu động		Bộ 2/3" CCD Camcoder:	20,00
	KT Tquay		Hệ thống thiết bị trường quay 3 cam	0,50
111	**Truyền hình thực tế L2 - Ngoại cảnh**	**45'**		
	KT đọc		Hệ thống phòng đọc	0,30
	KT dựng tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	3,00
	KT máy lưu động		Bộ 2/3" CCD Camcoder:	12,00
	KT máy LĐ VN		Bộ 2/3" CCD Camcoder:	1,00
	KT Tquay		Hệ thống thiết bị trường quay 3 cam	0,50
112	**Giao lưu trực tuyến KG 60' - 90' L1**	**60'**		
	KT đọc		Hệ thống phòng đọc	0,29
	KT dựng tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	1,00
	KT máy lưu động		Bộ 2/3" CCD Camcoder:	2,00
	KT Tquay chủ cầu		Hệ thống thiết bị trường quay 3 cam	0,50
113	**Giao lưu trực tuyến KG 60' - 90' L2**	**60'**		
	KT dựng tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	1,00
	KT Tquay		Hệ thống thiết bị trường quay 3 cam	1,00

STT	Tên chương trình	Thời lượng	Chủng loại máy	Số ca máy
114	**Giao lưu chính luận TT 45' - 60' TQ**	**45'**		
	Kỹ thuật đọc		Hệ thống phòng đọc	0,30
	Kỹ thuật dựng phi tuyến		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	1,50
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	1,00
	Kỹ thuật máy lưu động		Bộ 2/3" CCD Camcoder:	4,00
	Kỹ thuật trường quay		Hệ thống thiết bị trường quay 3 cam	1,00
115	**Giao lưu chính luận TT 120' TQ**	**120'**		
	Kỹ thuật đọc		Hệ thống phòng đọc	0,30
	Kỹ thuật dựng phi tuyến		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	1,50
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	1,00
	Kỹ thuật máy lưu động		Bộ 2/3" CCD Camcoder:	5,00
	Kỹ thuật trường quay		Hệ thống thiết bị trường quay 3 cam	1,00
116	**Giao lưu trực tiếp ca nhạc 120' L1**	**120'**		
	Kỹ thuật đọc		Hệ thống phòng đọc	0,14
	Kỹ thuật dựng Phi tuyến		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	4,00
	Kỹ thuật máy lưu động VN		Bộ 2/3" CCD Camcoder:	3,00
	Kỹ thuật trực tiếp 6 cam		Hệ thống thiết bị trường quay 3 cam	2,00
117	**Giao lưu trực tiếp ca nhạc 120' L2**	**120'**		
	Kỹ thuật đọc		Hệ thống phòng đọc	0,14
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	2,00

STT	Tên chương trình	Thời lượng	Chủng loại máy	Số ca máy
	Kỹ thuật máy lưu động VN		Bộ 2/3" CCD Camcoder:	2,00
	Kỹ thuật trực tiếp 6 cam		Hệ thống thiết bị trường quay 3 cam	2,00
118	**Giao lưu TT ca nhạc 120' (p.hợp SX)**	**120'**		
	KT đọc		Hệ thống phòng đọc	0,14
	KT dựng phi tuyến		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	0,50
	KT ghi hình 6 cam		Thiết bị xe màu	2,00
	KT máy lưu động VN		Bộ 2/3" CCD Camcoder:	1,00
119	**Giao lưu thể thao TT 45' - 60'**	**45'**		
	Kỹ thuật đọc		Hệ thống phòng đọc	0,15
	Kỹ thuật dựng Phi tuyến		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	0,50
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	1,00
	Kỹ thuật máy lưu động		Bộ 2/3" CCD Camcoder:	2,00
	KT Tquay S9		Hệ thống thiết bị trường quay 3 cam	1,00
120	**Cuộc thi ca nhạc trường quay**	**60'**		
	KT đọc		Hệ thống phòng đọc	0,30
	KT dựng phi tuyến		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	1,50
	KT dựng tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	1,00
	KT máy lưu động		Bộ 2/3" CCD Camcoder:	2,00
	KT Tquay		Hệ thống thiết bị trường quay 3 cam	1,00
121	**Đố vui trên truyền hình**	**4'**		
	KT dựng tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	0,50
	KT ghi hình 3 - 4 cam		Thiết bị xe màu	0,20

STT	Tên chương trình	Thời lượng	Chủng loại máy	Số ca máy
122	**Cuộc thi ca nhạc xe màu**	**60'**		
	KT đọc		Hệ thống phòng đọc	0,30
	KT dựng phi tuyến		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	1,50
	KT dựng tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	1,00
	KT ghi hình 3 - 4 cam		Thiết bị xe màu	1,00
	KT máy lưu động		Bộ 2/3" CCD Camcoder:	2,00
123	**Giao lưu văn nghệ TT 120' NC**	**120'**		
	KT đọc		Hệ thống phòng đọc	0,30
	KT dựng phi tuyến		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	1,50
	KT dựng tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	1,50
	KT máy lưu động		Bộ 2/3" CCD Camcoder:	5,00
	KT trực tiếp 6 cam		Thiết bị xe màu	2,00
124	**Cuộc thi ca nhạc trực tiếp 120'**	**120'**		
	KT đọc		Hệ thống phòng đọc	0,30
	KT dựng phi tuyến		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	3,00
	KT máy lưu động		Bộ 2/3" CCD Camcoder:	3,00
	KT trực tiếp 6 cam		Thiết bị xe màu	2,00
125	**Trò chơi TH loại 1 30 - 40'**	**30'**		
	KT dựng phi tuyến		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	1,50
	KT Qquay		Hệ thống thiết bị trường quay 3 cam	1,00
126	**Trò chơi TH loại 2 30' - 40'**	**30'**		
	KT dựng phi tuyến		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	1,50
	TK Tquay		Hệ thống thiết bị trường quay 3 cam	1,00
127	**Trò chơi TH loại 1 (45' - 60') TQ**	**45'**		
	Kỹ thuật đọc		Hệ thống phòng đọc	0,30

STT	Tên chương trình	Thời lượng	Chủng loại máy	Số ca máy
	Kỹ thuật dựng phi tuyến		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	3,00
	Kỹ thuật trường quay		Hệ thống thiết bị trường quay 3 cam	1,50
128	**Trò chơi TH loại 1 45' - 60' xe màu**	**45'**		
	KT đọc		Hệ thống phòng đọc	0,30
	KT dựng phi tuyến		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	3,00
	KT ghi hình 3 - 4 cam		Thiết bị xe màu	1,50
129	**Trò chơi TH loại 2 (45' - 60') TQ**	**45'**		
	Kỹ thuật đọc		Hệ thống phòng đọc	0,30
	Kỹ thuật dựng phi tuyến		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	2,00
	Kỹ thuật ghi hình 3 - 4 cam		Thiết bị xe màu	1,50
130	**Trò chơi TH loại 2 45' - 60' xe màu**	**45'**		
	KT đọc		Hệ thống phòng đọc	0,30
	KT dựng phi tuyến		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	2,00
	KT ghi hình 3 - 4 cam		Thiết bị xe màu	1,50
131	**Trò chơi truyền hình đặc biệt loại 2 (45' - 60')**	**45'**		
	KT đọc		Hệ thống phòng đọc	0,30
	KT dựng phi tuyến		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	2,00
	KT ghi hình 6 cam		Hệ thống thiết bị trường quay 3 cam	1,50
132	**Trò chơi truyền hình đặc biệt loại 1 (45' - 60')**	**60'**		
	KT dựng phi tuyến		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	3,00
	KT hòa âm		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	1,50

STT	Tên chương trình	Thời lượng	Chủng loại máy	Số ca máy
	KT máy lưu động		Bộ 2/3" CCD Camcoder:	1,00
	KT Qquay		Hệ thống thiết bị trường quay 3 cam	1,50
133	**Dạy hát thiếu nhi**	**20'**		
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	1,00
	Kỹ thuật trường quay		Hệ thống thiết bị trường quay 3 cam	1,00
	Kỹ thuật thu thanh		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	0,50
134	**Dạy ngoại ngữ**	**30'**		
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	1,50
	Kỹ thuật máy lưu động		Bộ 2/3" CCD Camcoder:	0,50
	Kỹ thuật trường quay		Hệ thống thiết bị trường quay 3 cam	0,50
135	**Dạy tiếng nước ngoài qua bài hát**	**30'**		
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	1,00
	Kỹ thuật trường quay		Hệ thống thiết bị trường quay 3 cam	1,00
	Kỹ thuật thu thanh		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	1,00
136	**Giáo dục kiến thức phổ thông 30'**	**30'**		
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	1,00
	Kỹ thuật trường quay		Hệ thống thiết bị trường quay 3 cam	0,50
137	**Điểm cầu chính truyền hình 45' - 90'**	**45' - 90'**		
	KT đọc		Hệ thống phòng đọc	0,20
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	1,00
	Kỹ thuật máy lưu động		Bộ 2/3" CCD Camcoder:	2,00
	Kỹ thuật trường quay chủ cầu		Hệ thống thiết bị trường quay 3 cam	1,00

STT	Tên chương trình	Thời lượng	Chủng loại máy	Số ca máy
138	**Điểm cầu chính truyền hình loại 1 (90' - 180') TQ**	**90' - 180'**		
	Kỹ thuật đọc		Hệ thống phòng đọc	0,50
	Kỹ thuật dựng phi tuyến		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	1,00
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	1,00
	Kỹ thuật máy lưu động		Bộ 2/3" CCD Camcoder:	3,50
	Kỹ thuật trường quay chủ cầu		Hệ thống thiết bị trường quay 3 cam	2,00
139	**Điểm cầu chính truyền hình L2 90' - 180' TQ**	**90' - 180'**	**0,30**	
	Kỹ thuật đọc		Hệ thống phòng đọc	0,30
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	1,50
	Kỹ thuật máy lưu động		Bộ 2/3" CCD Camcoder:	3,00
	Kỹ thuật trường quay chủ cầu		Hệ thống thiết bị trường quay 3 cam	2,00
140	**Điểm cầu chính truyền hình loại > 180' TQ**	**180'**		
	Kỹ thuật đọc		Hệ thống phòng đọc	0,50
	Kỹ thuật dựng phi truyến		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	1,00
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	1,00
	Kỹ thuật máy lưu động		Bộ 2/3" CCD Camcoder:	3,50
	Kỹ thuật trường quay chủ cầu		Hệ thống thiết bị trường quay 3 cam	2,00

STT	Tên chương trình	Thời lượng	Chủng loại máy	Số ca máy
141	**Điểm cầu phụ loại 1 Trường quay**	**45'**		
	Kỹ thuật đọc		Hệ thống phòng đọc	0,20
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	0,50
	Kỹ thuật máy lưu động		Bộ 2/3" CCD Camcoder:	1,00
	Kỹ thuật trường quay chủ cầu		Hệ thống thiết bị trường quay 3 cam	1,50
142	**Điểm cầu phụ loại 1 - xe màu**	**45'**		
	Kỹ thuật đọc		Hệ thống phòng đọc	0,20
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	0,50
	Kỹ thuật máy lưu động		Bộ 2/3" CCD Camcoder:	1,00
	Kỹ thuật trực tiếp 5 cam		Thiết bị xe màu	2,00
143	**Điểm cầu phụ loại 2 Trường quay**	**45'**		
	Kỹ thuật đọc		Hệ thống phòng đọc	0,20
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	0,40
	Kỹ thuật máy lưu động		Bộ 2/3" CCD Camcoder:	1,00
	Kỹ thuật trường quay chủ cầu		Hệ thống thiết bị trường quay 3 cam	1,20
144	**Điểm cầu phụ loại 2 - xe màu**	**45'**		
	Kỹ thuật đọc		Hệ thống phòng đọc	0,20
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	0,40
	Kỹ thuật máy lưu động		Bộ 2/3" CCD Camcoder:	1,00
	Kỹ thuật trực tiếp 5 cam		Thiết bị xe màu	1,50

STT	Tên chương trình	Thời lượng	Chủng loại máy	Số ca máy
145	**Tường thuật ghi băng Quốc hội**	**10'**		
	KT dựng tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	1,00
	KT ghi hình 6 cam		Thiết bị xe màu	0,80
146	**Tường thuật ghi băng chính luận**	**60'**		
	KT dựng tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	1,00
	KT ghi hình 6 cam		Thiết bị xe màu	1,00
147	**Tường thuật thể thao ghi băng 30' - 60'**	**30' - 60'**		
	KT dựng tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	1,00
	KT ghi hình 3 - 4 cam		Thiết bị xe màu	1,00
148	**Tường thuật thể thao ghi băng 60' - 120'**	**60' - 120'**		
	Kỹ thuật đọc		Hệ thống phòng đọc	0,14
	KT dựng tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	1,00
	KT ghi hình 3 - 4 cam		Thiết bị xe màu	1,00
149	**Tường thuật thể thao ghi băng trên 120'**	**120'**		
	Kỹ thuật đọc		Hệ thống phòng đọc	0,20
	KT dựng tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	1,30
	KT ghi hình 3 - 4 cam		Thiết bị xe màu	1,30
150	**Tường thuật ca nhạc ghi băng 30'**	**30'**		
	KT dựng tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	0,50
	KT ghi hình 3 - 4 cam		Thiết bị xe màu	0,80
151	**Tường thuật ca nhạc ghi băng 60'**	**60'**		
	KT đọc		Hệ thống phòng đọc	0,14

STT	Tên chương trình	Thời lượng	Chủng loại máy	Số ca máy
	KT dựng tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	0,50
	KT ghi hình 3 - 4 cam		Thiết bị xe màu	1,00
152	**Tường thuật TTQH dưới 120'**	**119'**		
	KT trực tiếp 6 cam		Thiết bị xe màu	1,00
153	**Tường thuật TTQH trên 120'**	**121'**		
	KT trực tiếp 6 cam		Thiết bị xe màu	1,00
154	**Tường thuật trực tiếp chính luận**	**90'**		
	KT trực tiếp 6 cam		Thiết bị xe màu	1,00
155	**Tường thuật trực tiếp sự kiện**	**90'**		
	Kỹ thuật trực tiếp 6 cam		Thiết bị xe màu	1,00
156	**Tường thuật TT lễ hội**	**90'**		
	Kỹ thuật trực tiếp 6 cam		Thiết bị xe màu	2,00
157	**Tường thuật thể thao TT qua vệ tinh**	**100'**		
	Kỹ thuật đọc		Hệ thống phòng đọc	0,40
158	**Tường thuật TT thể thao 30' - 60' (dưới 4 - 5 cam)**	**30' - 60'**		
	Kỹ thuật trực tiếp 5 cam		Thiết bị xe màu	1,00
159	**Tường thuật TT thể thao 60' - 120'**	**60' - 120'**		
	Kỹ thuật trực tiếp 5 cam		Thiết bị xe màu	1,30
160	**Tường thuật TT thể thao trên 120'**	**121'**		
	Kỹ thuật trực tiếp 5 cam		Thiết bị xe màu	1,50

STT	Tên chương trình	Thời lượng	Chủng loại máy	Số ca máy
161	**Tường thuật TT ca nhạc**	**121'**		
	Kỹ thuật ghi hình 6 cam		Thiết bị xe màu	1,50
162	**Videoclip loại 1 (5 - 10')**	**5' - 10'**		
	KT Đọc		Hệ thống phòng đọc	0,50
	Kỹ thuật dựng phi tuyến		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	2,00
	KT dựng Ptuyến ĐS		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	1,00
	KT hòa âm		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	0,29
	Kỹ thuật máy lưu động		Bộ 2/3" CCD Camcoder:	2,50
163	**Videoclip loại 2 (5 - 10')**	**5' - 10'**		
	Kỹ thuật dựng phi tuyến		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	1,50
	Kỹ thuật máy lưu động		Bộ 2/3" CCD Camcoder:	2,00
164	**Ca nhạc TQ loại 1 - 30'**	**30'**		
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	1,00
	Kỹ thuật trường S1		Hệ thống thiết bị trường quay 3 cam	1,50
	Kỹ thuật trường S7		Hệ thống thiết bị trường quay 3 cam	0,29
	Kỹ thuật thu thanh		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	3,00
165	**Ca nhạc TQ loại 2 - 30'**	**30'**		
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	1,00
	Kỹ thuật trường S1		Hệ thống thiết bị trường quay 3 cam	1,50
	Kỹ thuật trường S7		Hệ thống thiết bị trường quay 3 cam	0,29
	Kỹ thuật thu thanh		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	2,50

STT	Tên chương trình	Thời lượng	Chủng loại máy	Số ca máy
166	**Ca nhạc máy lẻ loại 1 - 30'**	**30'**		
	Kỹ thuật dựng phi tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	2,50
	Kỹ thuật máy lưu động		Bộ 2/3" CCD Camcoder:	3,50
	Kỹ thuật trường quay		Hệ thống thiết bị trường quay 3 cam	0,29
	Kỹ thuật thu thanh		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	3,50
167	**Ca nhạc máy lẻ loại 2 - 30'**	**30'**		
	Kỹ thuật dựng phi tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	2,50
	Kỹ thuật máy lưu động		Bộ 2/3" CCD Camcoder:	3,00
	Kỹ thuật trường quay		Hệ thống thiết bị trường quay 3 cam	0,29
	KT thu thanh		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	3,00
168	**Ca nhạc xe màu 30'**	**30'**		
	Kỹ thuật dựng phi tuyến		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	1,00
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	1,00
	Kỹ thuật ghi hình 3 - 4 cam		Thiết bị xe màu	2,00
	Kỹ thuật trường quay		Hệ thống thiết bị trường quay 3 cam	0,29
	Kỹ thuật thu thanh		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	3,50
169	**Ca nhạc thiếu nhi TQ 20'**	**20'**		
	KT dựng tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	1,00
	KT Tquay		Hệ thống thiết bị trường quay 3 cam	1,00
	KT thu thanh		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	1,50
170	**Ca nhạc thiếu nhi máy lẻ 20'**	**20'**		
	KT dựng phi tuyến		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	1,00

STT	Tên chương trình	Thời lượng	Chủng loại máy	Số ca máy
	KT dựng tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	1,00
	KT máy lưu động		Bộ 2/3" CCD Camcoder:	2,50
	KT thu thanh		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	1,50
171	**Ca nhạc thiếu nhi xe màu 20'**	**20'**		
	KT dựng tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	1,00
	KT ghi hình 3 - 4 cam		Thiết bị xe màu	1,20
	KT máy lưu động		Bộ 2/3" CCD Camcoder:	1,50
172	**Phim ca nhạc 45'**	**45'**		
	KT đọc		Hệ thống phòng đọc	0,29
	KT dựng phi tuyến		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	5,00
	KT hòa âm		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	0,43
	KT máy lưu động VN		Bộ 2/3" CCD Camcoder:	9,00
	KT thu thanh		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	5,00
173	**Sản xuất phim truyện KV 50'**	**50'**		
	KT dựng phi tuyến		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	5,00
	KT dựng Ptuyến ĐS		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	5,00
	KT hòa âm		Bộ 2/3" CCD Camcoder:	4,00
	KT máy lưu động VN		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	5,50
174	**Sản xuất phim truyện KV 70'**	**70'**		
	KT dựng phi tuyến		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	7,00
	KT dựng Ptuyến ĐS		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	7,00
	KT hòa âm		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	4,00
	KT máy lưu động VN		Bộ 2/3" CCD Camcoder:	8,00
175	**Nhà hát truyền hình 120'**	**120'**		
	Kỹ thuật đọc		Hệ thống phòng đọc	0,30

STT	Tên chương trình	Thời lượng	Chủng loại máy	Số ca máy
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	1,50
	Kỹ thuật máy lưu động		Bộ 2/3" CCD Camcoder:	2,00
	Kỹ thuật trực tiếp 4 - 6 cam		Thiết bị xe màu	2,00
176	**Kịch ghi sẵn 100'**	**100'**		
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	2,00
	KT Tquay		Hệ thống thiết bị trường quay 3 cam	4,00
177	**Kịch tự dựng 100'**	**100'**		
	Kỹ thuật dựng phi tuyến		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	3,00
	KT Tquay		Hệ thống thiết bị trường quay 3 cam	6,00
178	**Ca kịch ghi sẵn 100'**	**100'**		
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	4,00
	KT Tquay		Hệ thống thiết bị trường quay 3 cam	4,00
179	**Ca kịch tự dựng 100'**	**100'**		
	Kỹ thuật dựng phi tuyến		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	4,00
	KT Tquay		Hệ thống thiết bị trường quay 3 cam	7,00
180	**Sân khấu trực tiếp ngoại cảnh 120'**	**120'**		
	Kỹ thuật đọc		Hệ thống phòng đọc	0,29
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	1,50
	KT Máy lưu động VN		Bộ 2/3" CCD Camcoder:	2,00
	Kỹ thuật trực tiếp 6 cam		Thiết bị xe màu	2,00
181	**Sân khấu thiếu nhi trường quay 20'**	**20'**		
	KT dựng tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	1,00
	KT trường quay		Hệ thống thiết bị trường quay 3 cam	1,00

STT	Tên chương trình	Thời lượng	Chủng loại máy	Số ca máy
182	**Sân khấu thiếu nhi máy lẻ 20'**	**20'**		
	KT dựng tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	1,50
	KT máy lưu động VN		Hệ thống thiết bị trường quay 3 cam	1,00
183	**Sân khấu thiếu nhi xe màu 20'**	**20'**		
	KT dựng tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	1,00
	KT ghi hình 3 - 4 cam		Thiết bị xe màu	1,00
184	**Tiểu phẩm trường quay 30'**	**30'**		
	KT đọc		Hệ thống phòng đọc	0,29
	KT dựng phi tuyến		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	1,00
	KT dựng tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	1,00
	KT trường quay		Hệ thống thiết bị trường quay 3 cam	1,20
185	**Tiểu phẩm ngoại cảnh 30'**	**30'**		
	KT đọc		Hệ thống phòng đọc	0,29
	KT dựng phi tuyến		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	2,00
	KT hòa âm		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	0,29
	KT máy lưu động		Bộ 2/3" CCD Camcoder:	3,50
186	**Trích đoạn sân khấu ghi sẵn**	**30'**		
	KT dựng tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	1,00
	KT trường quay		Hệ thống thiết bị trường quay 3 cam	1,00
187	**Hình hiệu chính loại 1**	**1'**		
	Kỹ thuật 3D Modelling		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	6,00
	Kỹ thuật Animation		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	6,00
	Kỹ thuật Composition		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	4,00
	Kỹ thuật đọc		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	1,00

STT	Tên chương trình	Thời lượng	Chủng loại máy	Số ca máy
	Special Effects		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	5,00
	Kỹ thuật tin học		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	1,50
	Kỹ thuật thiết kế đồ họa		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	7,00
188	**Hình hiệu chính loại 2**	**1'**		
	Kỹ thuật 2D Modelling		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	5,00
	Kỹ thuật Animation		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	5,00
	Kỹ thuật Composition		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	3,00
	Kỹ thuật đọc		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	1,00
	Special Effects		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	3,00
	Kỹ thuật tin học		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	1,50
	Kỹ thuật thiết kế đồ họa		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	5,00
189	**Hình hiệu tiểu mục**	**1'**		
	Kỹ thuật 3D Modelling		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	3,00
	Kỹ thuật Animation		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	1,00
	Kỹ thuật Composition		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	1,00
	Kỹ thuật đọc		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	1,00
	Special Effects		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	1,00
	Kỹ thuật tin học		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	1,00
	Kỹ thuật thiết kế đồ họa		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	3,00
190	**Đồ họa cho TV Games, Show loại 1**	**1'**		
	Kỹ thuật Composition		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	3,00
	Kỹ thuật đọc		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	1,00
	Kỹ thuật tin học		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	1,00
	Thiết kế chương trình		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	14,00
	Kỹ thuật thiết kế đồ họa		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	7,00

STT	Tên chương trình	Thời lượng	Chủng loại máy	Số ca máy
191	**Đồ họa cho TV Games, Show loại 2**	**1'**		
	Kỹ thuật Composition		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	2,00
	Kỹ thuật đọc		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	1,00
	Kỹ thuật tin học		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	1,00
	Thiết kế chương trình		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	10,00
	Kỹ thuật thiết kế đồ họa		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	5,00
192	**Hình hiệu quảng cáo SP TH**	**1'**		
	Kỹ thuật 3D Modelling		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	3,00
	Kỹ thuật Composition		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	2,00
	Kỹ thuật đọc		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	1,00
	Kỹ thuật tin học		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	1,00
	Kỹ thuật thiết kế đồ họa		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	5,00
193	**Gạt tin, phông, nền**	**1'**		
	Kỹ thuật 3D Modelling		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	1,50
	Kỹ thuật Animation		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	0,50
	Kỹ thuật Composition		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	0,50
	Kỹ thuật đọc		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	0,50
	Special Effects		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	0,50
	Kỹ thuật tin học		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	0,50
	Kỹ thuật thiết kế đồ họa		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	1,00
194	**Đồ họa trường quay ảo**	**1'**		
	Kỹ thuật 3D Modelling		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	12,00
	Kỹ thuật Animation		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	9,00

STT	Tên chương trình	Thời lượng	Chủng loại máy	Số ca máy
	Kỹ thuật Composition		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	6,00
	Kỹ thuật đọc		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	1,00
	Specicial Effect		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	9,00
	Kỹ thuật tin học		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	2,00
	Kỹ thuật thiết kế đồ họa		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	12,00
195	**Khai thác tạp kỹ KV 15'**	**15'**		
	KT đọc		Hệ thống phòng đọc	0,07
	KT dựng phi tuyến		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	0,20
196	**Khai thác phim hoạt hình 20'**	**20'**		
	KT đọc		Hệ thống phòng đọc	0,14
	KT dựng tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	0,21
197	**Lồng tiếng phim hoạt hình 30'**	**30'**		
	KT đọc		Hệ thống phòng đọc	0,50
	KT dựng tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	0,50
	KT hòa âm		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	0,50
198	**Hoạt hình nước ngoài lồng tiếng +Tp - 30'**	**30'**		
	KT đọc		Hệ thống phòng đọc	0,50
	KT dựng tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	1,00
	KT ghi hình 3 - 4 cam		Thiết bị xe màu	0,50
	KT hòa âm		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	0,29
199	**Khai thác phim khoa học 30**	**30'**		
	Kỹ thuật đọc		Hệ thống phòng đọc	0,30
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	0,30

STT	Tên chương trình	Thời lượng	Chủng loại máy	Số ca máy
200	**Khai thác phim khoa học có bình dẫn 30**	**30'**		
	KT đọc		Hệ thống phòng đọc	0,29
	KT dựng tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	0,40
	KT Tquay S7		Hệ thống thiết bị trường quay 3 cam	0,29
201	**Bình dẫn phim TLNN - 30'**	**30'**		
	Kỹ thuật đọc		Hệ thống phòng đọc	0,28
	Kỹ thuật trường quay		Hệ thống thiết bị trường quay 3 cam	0,50
	Kỹ thuật dựng phi tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	0,42
202	**Khai thác ca nhạc Quốc tế có dẫn 30'**	**30'**		
	Kỹ thuật trường quay		Hệ thống thiết bị trường quay 3 cam	0,29
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	0,50
203	**Dựng lại ca nhạc có dẫn - 30'**	**30'**		
	Kỹ thuật trường quay		Hệ thống thiết bị trường quay 3 cam	0,29
	Kỹ thuật dựng phi tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	0,50
204	**Clip ca nhạc khai thác tổng hợp**	**10'**		
	Kỹ thuật dựng phi tuyến		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	1,00
205	**Dựng lại ca nhạc tổng hợp 15'**	**15'**		
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	0,30
206	**Tổng hợp thể thao**	**30'**		
	Kỹ thuật đọc		Hệ thống phòng đọc	0,14

STT	Tên chương trình	Thời lượng	Chủng loại máy	Số ca máy
	Kỹ thuật dựng phi tuyến		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	0,50
207	**Khai thác phim bản quyền PSKV - 50'**	**50'**		
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	0,10
208	**Kh. thác phim truyện bản quyền (50')**	**50'**		
	Kỹ thuật đọc		Hệ thống phòng đọc	0,21
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	0,28
	KT hòa âm		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	0,21
209	**Khai thác phim vệ tinh (50P)**	**50'**		
	Kỹ thuật đọc		Hệ thống phòng đọc	0,29
210	**Việt hóa Phim NN - HBO 120'**	**120'**		
	KT dựng tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	0,29
211	**Phụ đề tiếng nước ngoài 20'**	**20'**		
	KT dựng tuyến tính		phu de	0,51
212	**Phụ đề tiếng việt 30'**	**30'**		
	KT dựng tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	0,57
213	**Tổng hợp tạp chí khai thác**	**30'**		
	Kỹ thuật đọc		Hệ thống phòng đọc	0,14
	Kỹ thuật trường quay		Hệ thống thiết bị trường quay 3 cam	0,14
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	2,00
214	**Dựng lại chương trình trực tiếp 60'**	**60'**		
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	1,15

STT	Tên chương trình	Thời lượng	Chủng loại máy	Số ca máy
215	**Khai thác CTPS Khu vực**	**30'**		
	KT dựng tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	0,09
216	**Khai thác CTĐP lần đầu PSTW**	**30'**		
	KT dựng tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	0,14
217	**Khai thác CTKV lần đầu PSTW**	**30'**		
	KT dựng tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	0,14
218	**Khai thác phim truyện VN lần đầu 90'**	**90'**		
	KT dựng tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	0,29
219	**KT phục vụ CT Chuyên ĐT15'**	**30'**		
	KT dựng tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	1,00
220	**KT phục vụ CT Chuyên ĐT30'**	**30'**		
	KT dựng tuyến tính		Thiết bị hậu kỳ (Bàn dựng phi tuyến)	1,50
221	**KT phục vụ CT QC tại TQ ảo**	**5'**		
	KT trường quay ảo S2 T.tiếp		Hệ thống thiết bị trường quay 3 cam	0,50
222	**KT phục vụ CT giao lưu 40 - 60' tại TQ lớn**	**40'**		
	KT trường quay S9		Hệ thống thiết bị trường quay 3 cam	2,00
223	**KT phục vụ CT giao lưu 40 - 60' bằng xe màu**	**40'**		
	KT trường quay S9		Hệ thống thiết bị trường quay 3 cam	1,00
XII	**KỸ THUẬT TRUYỀN DẪN**			